

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta đã chuyển dần từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Bên cạnh những thành tựu đạt được đáng kể về mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, nền kinh tế thị trường với các quy luật kinh tế đặc trưng của nó như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... đã tạo nên môi trường kinh doanh hấp dẫn, sôi động nhưng cũng đầy rủi ro và không kém phần khốc liệt. Với vai trò là tế bào của nền kinh tế, các doanh nghiệp trong tất cả các ngành nghề thuộc mọi lĩnh vực muốn tồn tại trên thị trường đều phải hoạt động có hiệu quả, tự khẳng định mình để vươn lên.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cuộc sống con người. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà nhiều doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp. Để thực hiện được điều này, các doanh nghiệp cần phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của Công ty với đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng”***

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Chương 1

NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Một số vấn đề chung

1.1.1 Doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1.1.1 Doanh thu

1.1.1.1.1 Khái niệm

- Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu tài chính là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

1.1.1.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

• **Chiết khấu thương mại:** Là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng.

• **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hoá đơn, vì lý do bán hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

• **Hàng bán bị trả lại:** Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

• **Thuế xuất nhập khẩu:** Thuế xuất nhập khẩu hay thuế xuất-nhập khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi hai loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc

tế. Đó là thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu. Thuế nhập khẩu là thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu, còn thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.
- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

1.1.1.2 Chi phí

1.1.1.2.1 Giá vốn hàng bán: Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất. Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

1.1.1.2.2 Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT).

Chi phí vật liệu bao bì: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.

Chi phí dụng cụ đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Chi phí khấu hao tài sản cố định: chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

Chi phí bảo hành sản phẩm: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định và bảo hành.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lí.

Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

1.1.1.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhân liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp

Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

Chi phí khấu hao tài sản cố định: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

Thuế phí, lệ phí: các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của DN.

Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

1.1.2 Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.1.2.1 Doanh thu hoạt động tài chính:

Là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; ...

1.1.2.2 Chi phí hoạt động tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,..

1.1.3 Thu nhập khác, chi phí khác

1.3.1 Thu nhập khác

Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ HH, SP, DV không tính trong doanh thu (nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho DN; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

1.3.2 Chi phí khác

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

1.1.4 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kì kế toán. Kì kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa, nâng cấp, ...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.1.5 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

Kế toán thực sự là công cụ quản lý sắc bén, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý, hệ thống hoá và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Khi thực hiện tốt các yêu cầu trên nó sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin.

1.1.6 Ý nghĩa của việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các loại sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của thị trường, nhằm thu được lợi nhuận.

Trước hết doanh thu là nguồn tài chính đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như các khoản thuế theo quy định; là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác.

Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Để thực hiện quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí. Đó là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ, dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ vào tài sản hoặc các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu. Đồng thời doanh nghiệp cũng thu được những khoản doanh thu và thu nhập khác, là tổng giá trị các lợi ích kinh tế thu được trong kỳ phát sinh từ các hoạt động góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Xác định kết quả sản xuất kinh doanh giúp doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ. Biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp đưa ra các biện pháp tác động vào doanh thu, chi

phí nhằm nâng cao lợi nhuận, đồng thời từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các quyết định, chiến lược sản xuất kinh doanh trong các kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc tác động này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối và sử dụng kết quả kinh doanh theo đúng mục đích phù hợp với cơ chế tài chính quy định cho từng loại hình doanh nghiệp cụ thể.

1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ

****Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong doanh nghiệp***

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng : Trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm nào đó đã quy định trước trong hợp đồng: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

- Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng: Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng: Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký

gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: số sản phẩm, hàng hoá nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần.

- Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.

* Nội dung của + TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

TK 511 có 5 TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

TK 512 có 3 TK cấp 2:

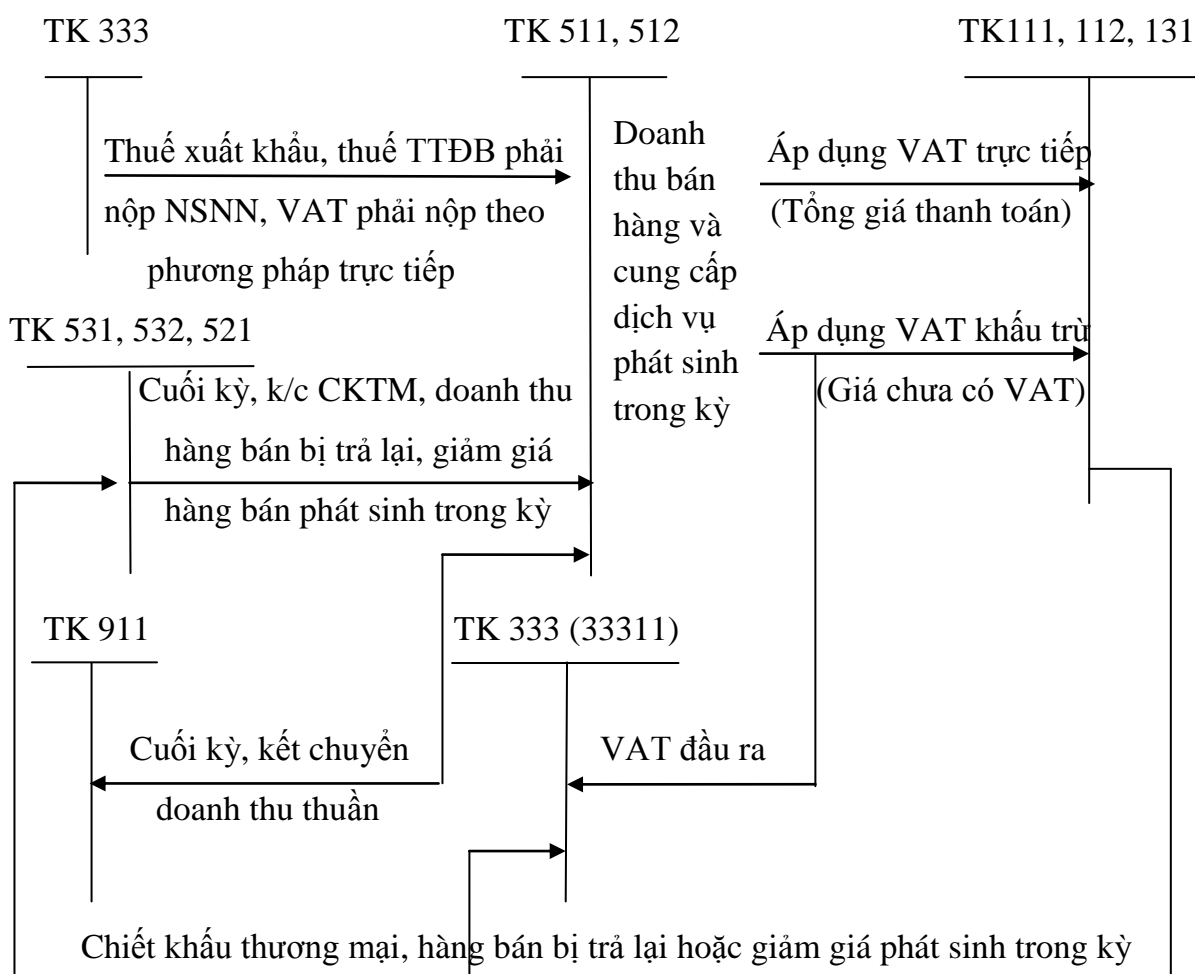
- TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá nội bộ.
- TK 5122: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ.

- TK 5123: Doanh thu dịch vụ nội bộ

*Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511, 512:

Nợ	TK 511, 512	Có
- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu - K/c doanh thu thuần sang TK 911		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ thực hiện trong kỳ hạch toán
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 511, 512 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1 : Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng.

1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp bị giảm doanh thu bán hàng do các nguyên nhân: thực hiện chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, doanh nghiệp nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh theo dõi trực tiếp, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp để lập trên báo cáo tài chính.

1.2.1.2.1 Kế toán chiết khấu thương mại (CKTM) .

* Khi hạch toán vào TK 521 cần chú ý:

- Chỉ hạch toán vào TK này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng quy định của doanh nghiệp

- Trường hợp người mua mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521 - Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

*Tài khoản sử dụng:

-Kế toán sử dụng TK 521 - Chiết khấu thương mại.

-Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521:

Nợ	TK 521	Có
- Tập hợp khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng		- Kết chuyển doanh thu của số hàng bán bị trả lại
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

- TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:
 - + TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.
 - + TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.
 - + TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

1.2.1.2.2 Kế toán hàng bán bị trả lại (HBBTL):

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

*Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 531:

Nợ	TK 531	Có
- Tập hợp trị giá hàng bán bị trả lại		- Kết chuyển hàng bán bị trả lại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

1.2.1.2.3 Kế toán giảm giá hàng bán(GGHB).

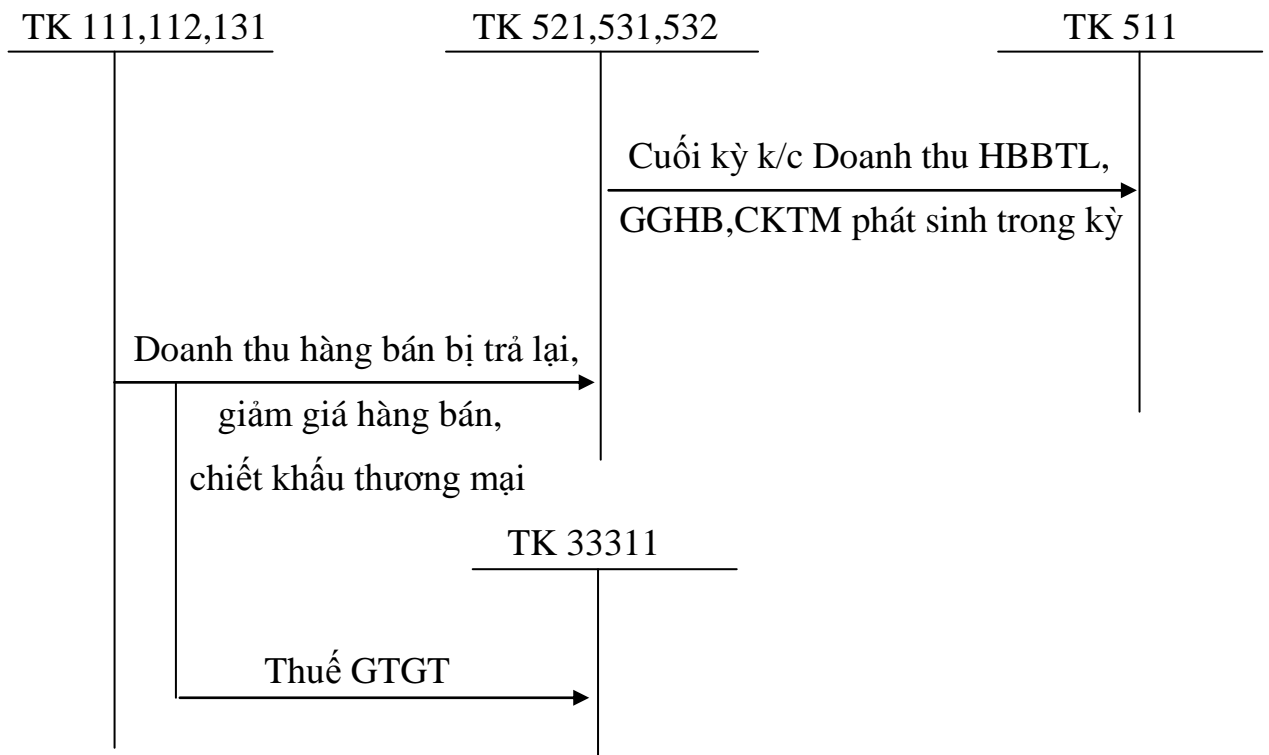
*Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 532 - Giảm giá hàng bán.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 532:

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng.		- Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK 511.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

- Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hoá đơn.



Sơ đồ 2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.2.4 Các khoản thuế làm giảm doanh thu.

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT} \times \text{thuế suất thuế GTGT} (\%)$$

***Xác định trị giá vốn của hàng bán.**

Sau khi xác định được trị giá vốn của hàng xuất kho để bán, doanh thu hàng bán và cung cấp thông tin kế toán để trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh. Mặt khác, để phục vụ cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp trong việc điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, cần thiết phải xây dựng lãi thuần của hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ta phân bổ cho số hàng hoá được tiêu thụ trong kỳ.

***Có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho**

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này giá thực tế của hàng xuất kho được tính theo giá bình quân gia quyền.

$$\begin{matrix} \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Số lượng thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{matrix} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

- Giá đơn vị bình quân được tính một trong hai cách sau:

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\begin{matrix} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{gia quyền cả kỳ} \end{matrix} = \frac{\begin{matrix} \text{Trị giá hàng i tồn} \\ \text{kho đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Trị giá hàng i nhập} \\ \text{kho trong kỳ} \end{matrix}}{\begin{matrix} \text{Lượng hàng i tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Lượng hàng i nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix}}$$

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\begin{matrix} \text{Giá đơn vị bình quân gia} \\ \text{quyền sau lần nhập j} \end{matrix} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập j}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập j}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước FIFO:

Theo phương pháp này giả thiết số hàng nhập kho trước thì sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng hóa nhập trước mới đến số hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng số hàng xuất. Cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của hàng mua trước sẽ được dùng làm giá thực tế của hàng xuất trước. Do vậy giá

mua hàng tồn kho cuối kỳ là giá mua hàng hóa thực tế sau cùng, phương pháp này tính trong trường hợp giá ổn định và có xu hướng giảm.

- Phương pháp nhập sau xuất trước LIFO:

Phương pháp này giả định những hàng mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên ngược lại với phương pháp FIFO và thường dùng trong trường hợp hàng hóa nhập vào có xu hướng tăng giá.

- Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của hàng nhập kho sẽ được giữ nguyên kể từ khi nhập kho đến khi xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào ta lấy theo giá của mặt hàng đó

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư hàng hóa, giữa các mặt hàng có tính tách biệt cao, có điều kiện bảo quản riêng rẽ từng lô hàng.

***Tài khoản sử dụng:**

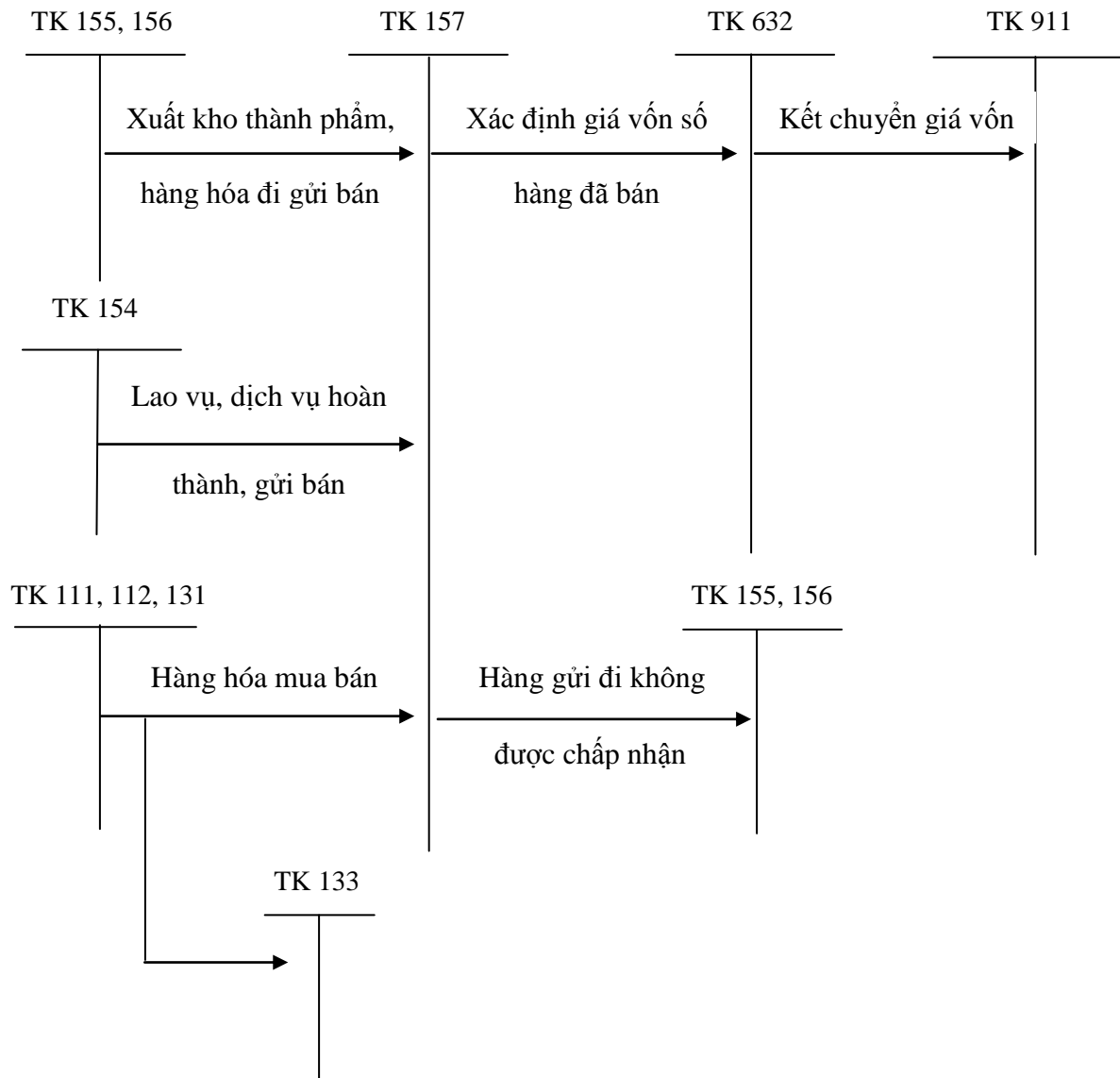
Kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ - Phản ánh CFNVL, CFNC vượt trên mức bình thường và CFSXC cố định không phân bổ - Phản ánh hao hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường của người gây ra - Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào NG TSCĐ tự xây dựng, tự chế tạo - Phản ánh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước 	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối niên độ kế toán - Kết chuyển giá vốn hàng đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 - Giá vốn hàng bán bị trả lại 	
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

*Phương pháp hạch toán.

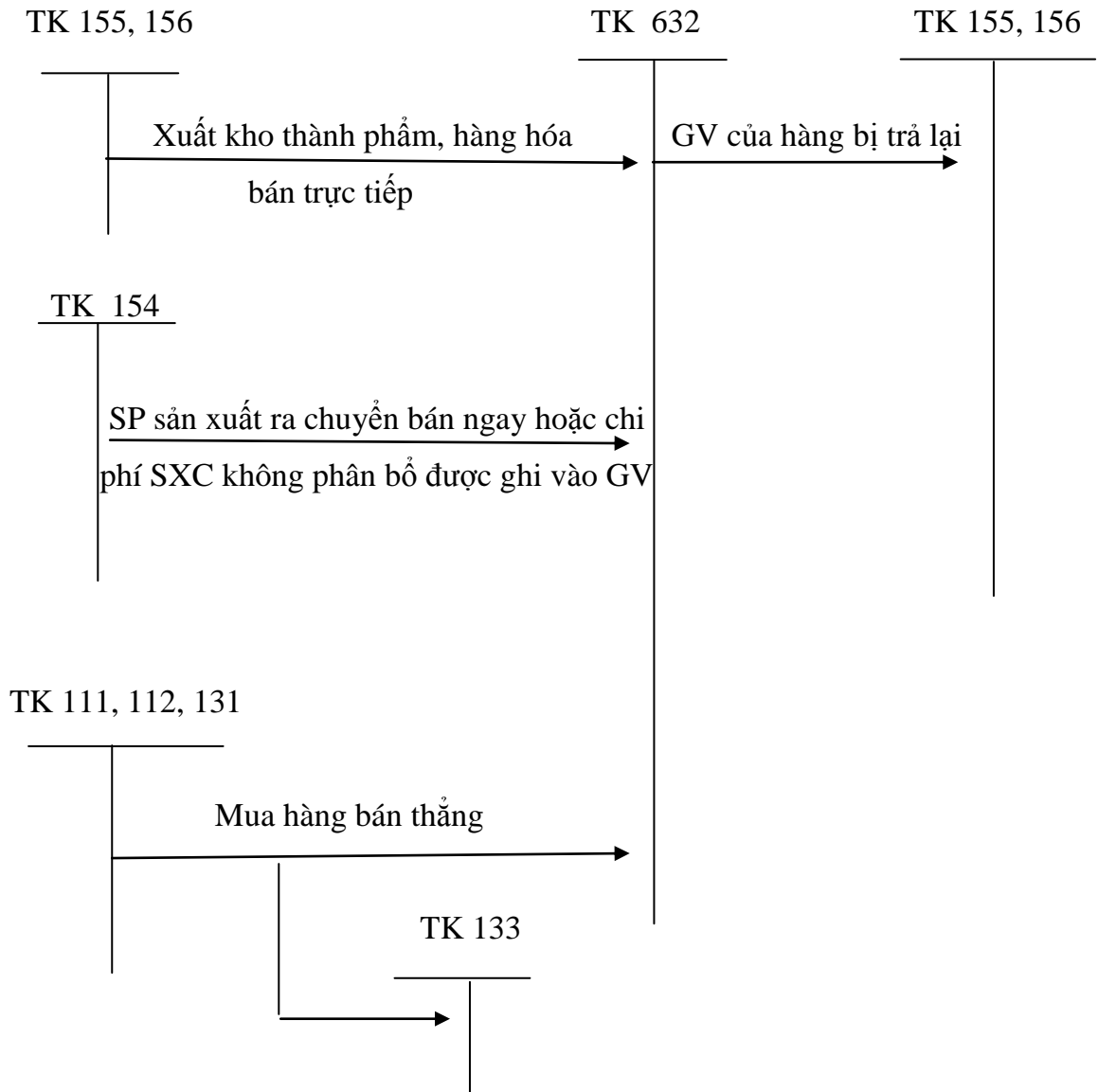


**Sơ đồ 4: Sơ đồ hạch toán bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)**

*** Kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức bán hàng trực tiếp.**

Theo phương thức này bên mua căn cứ vào hợp đồng đã ký kết uỷ nhiệm người của đơn vị trực tiếp đến nhận hàng tại kho đơn vị bán hoặc giao nhận hàng tay ba (hàng bán thẳng) tại địa điểm quy định trong hợp đồng. Sau khi giao hàng xong người nhận ký xác nhận về số hàng đã giao nhận khi đó hàng mới được xác định là tiêu thụ.

Quá trình hạch toán của giá vốn hàng bán theo phương thức giao hàng trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 5: Sơ đồ hạch toán bán hàng theo phương thức giao hàng trực tiếp
(Phương pháp kê khai thường xuyên)**

1.2.1.4 Kế toán chi phí bán hàng (CPBH).

***Tài khoản sử dụng:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,...

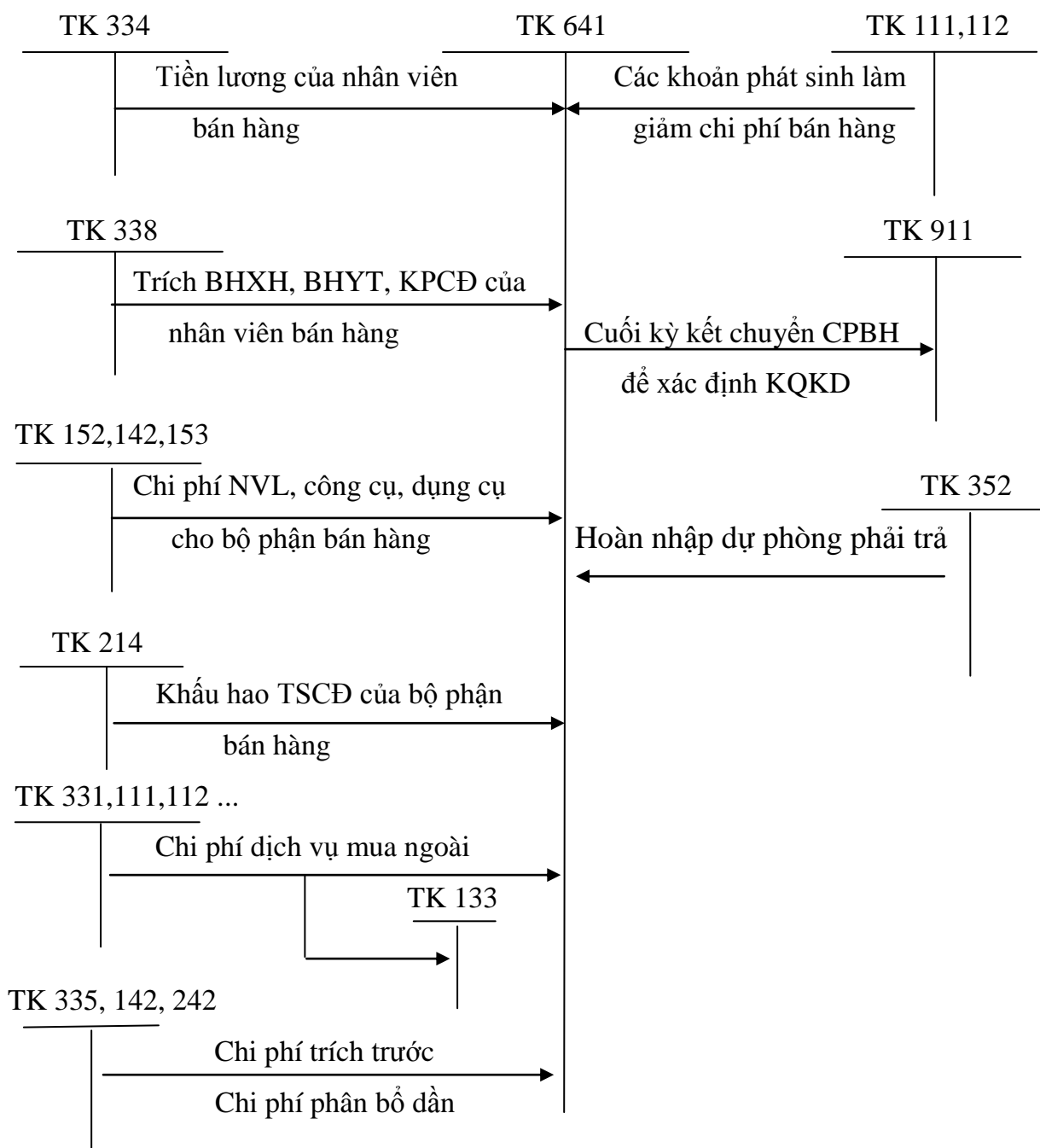
- TK 641 – Chi phí bán hàng. TK 641 có 7 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên.
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641

Nợ	TK641	Có
- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có) - Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào TK 911	
Σ Số phát sinh nợ	Σ Số phát sinh có	

TK 641 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

1.2.1.5 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN).

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và CC-DC, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

*Tài khoản kế toán sử dụng:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

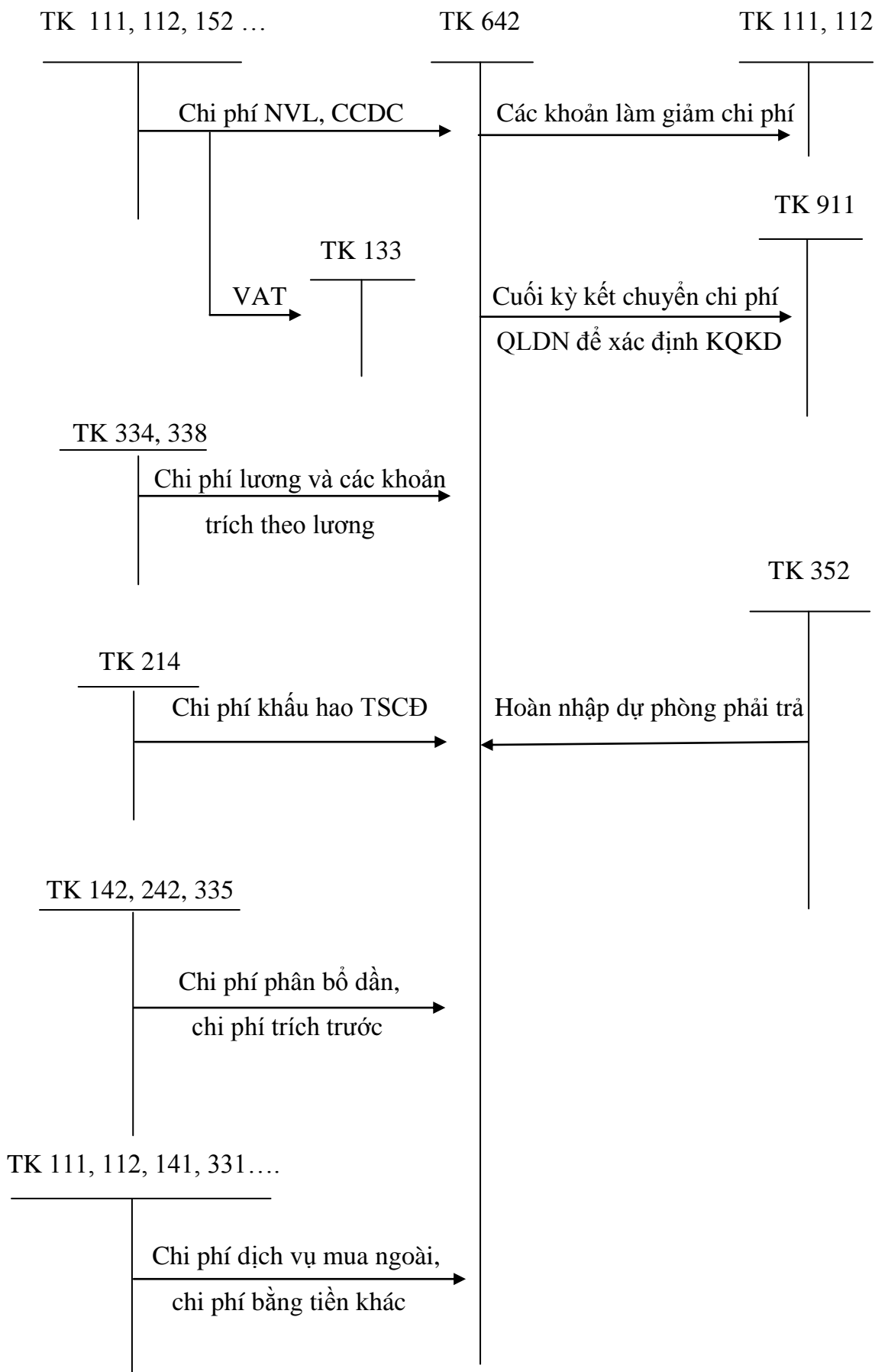
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642:

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ		- Các khoản được phép ghi giảm chi phí QLDN - Kết chuyển chi phí QLDN trong kỳ vào TK 911
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 642 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính doanh nghiệp

1.2.2.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

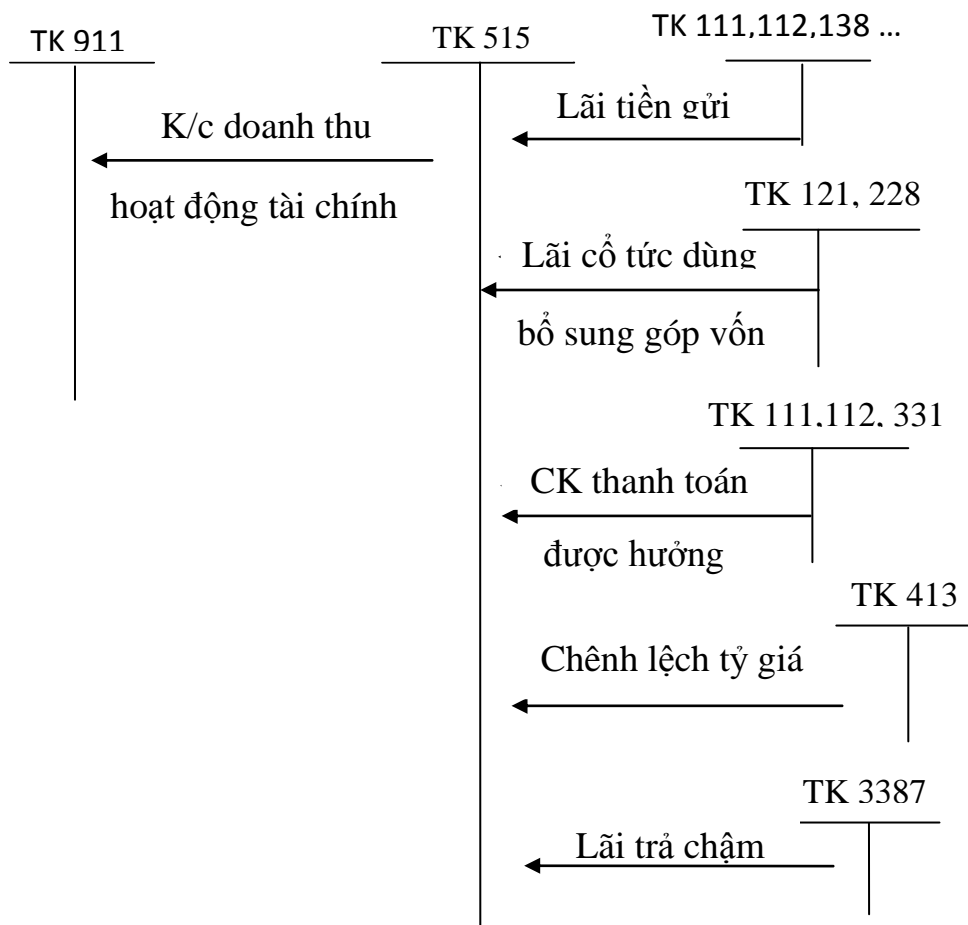
Là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; ...

Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính. Kết cấu TK 515:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - K/c doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911		- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ



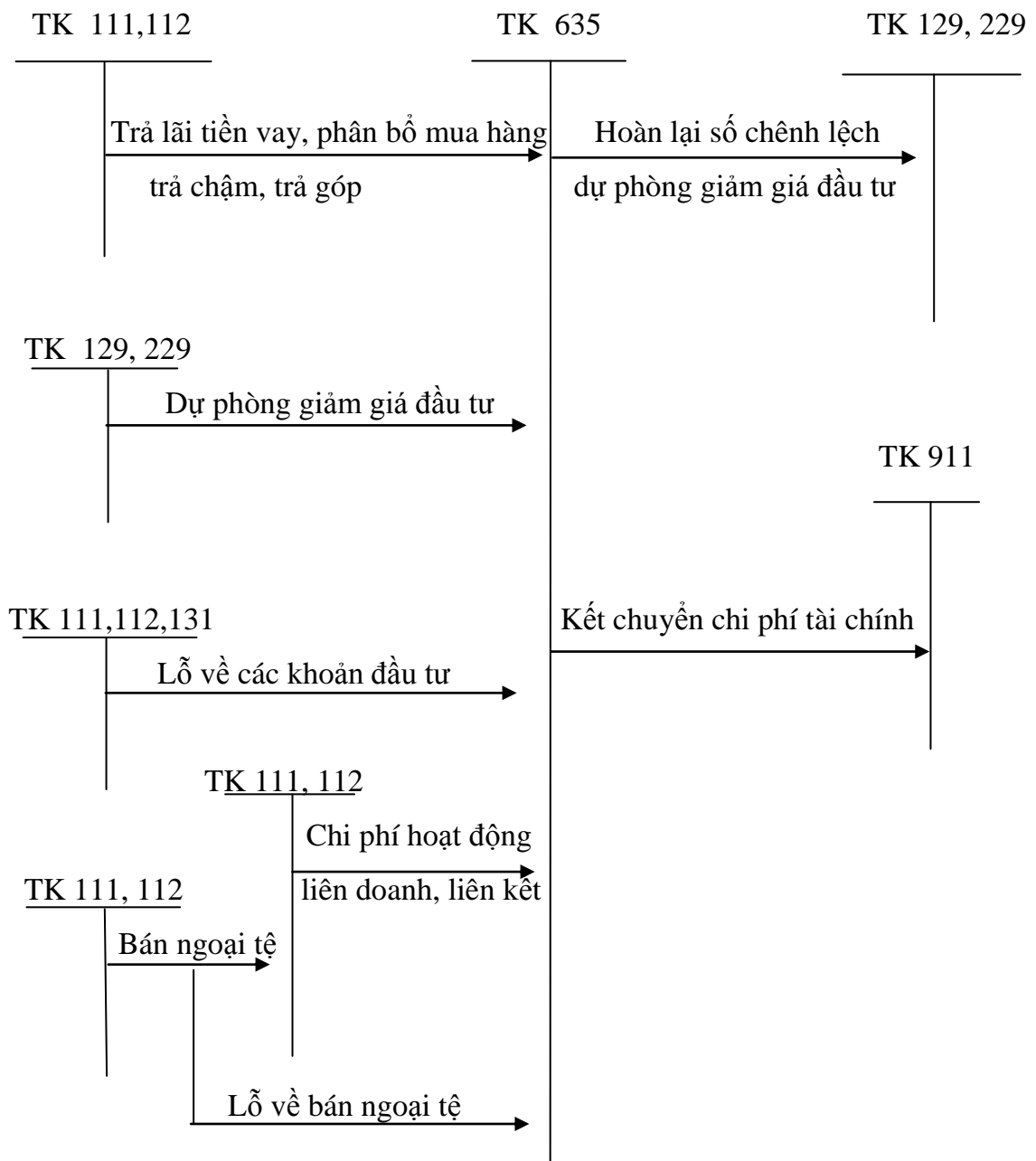
Sơ đồ 8: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 515

1.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản sử dụng: TK 635 "Chi phí hoạt động tài chính".

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ về đầu tư tài chính - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ - Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư CK 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 635 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 9: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

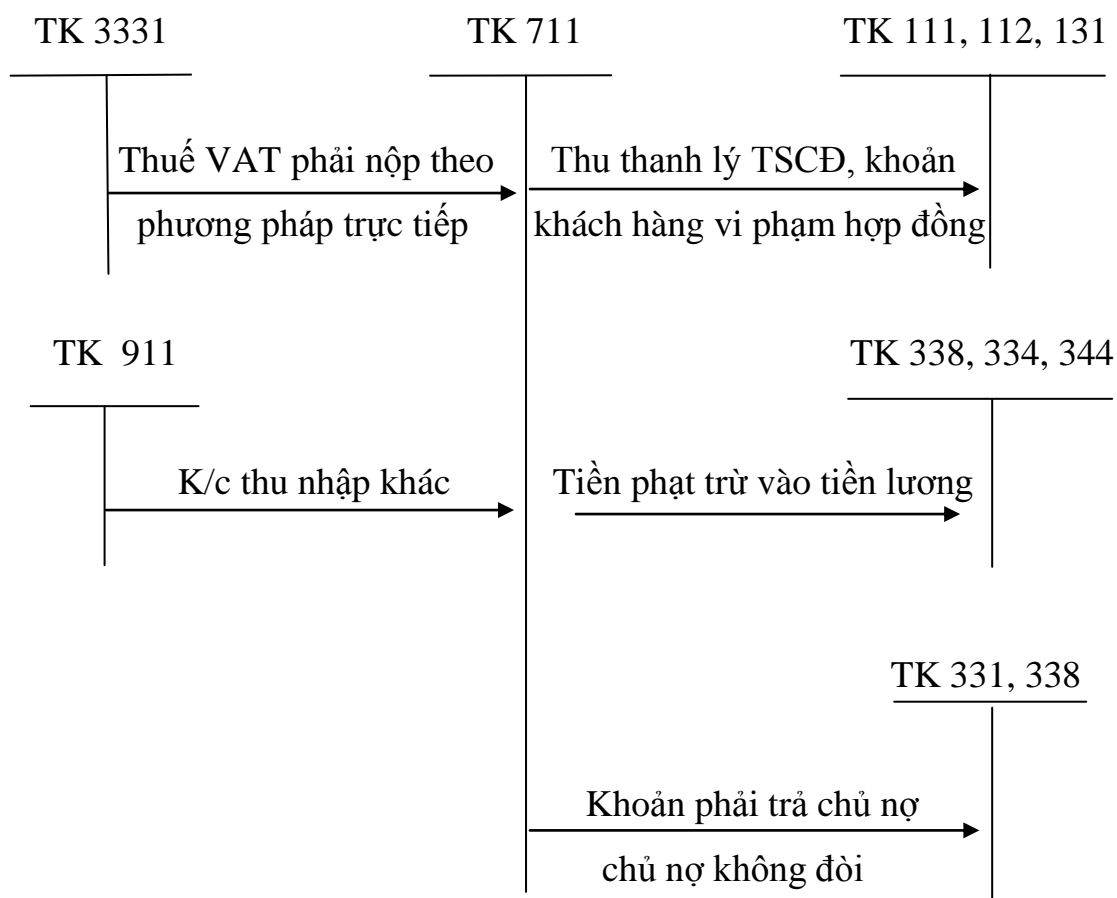
1.2.3 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác của Công ty

1.2.3.1 Kế toán thu nhập khác

TK sử dụng : TK 711 – Thu nhập khác

Nợ	TK 711	Có
- VAT phải nộp theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ	
Σ Số phát sinh nợ	Σ Số phát sinh có	

TK 711 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 10 : Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.3.2 Kế toán chi phí khác

- Chi phí khác gồm:

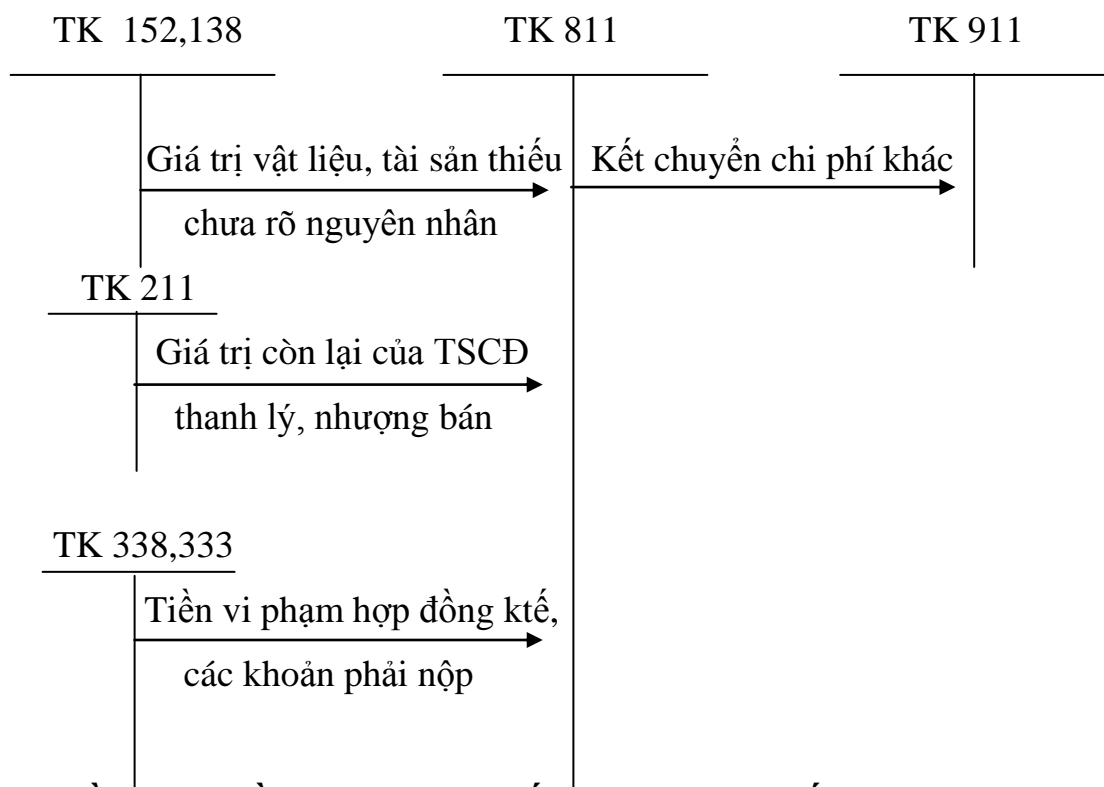
- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng
- + Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- + Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- + Các khoản chi phí khác

*Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác. Kết cấu và nội dung TK 811

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh		- Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

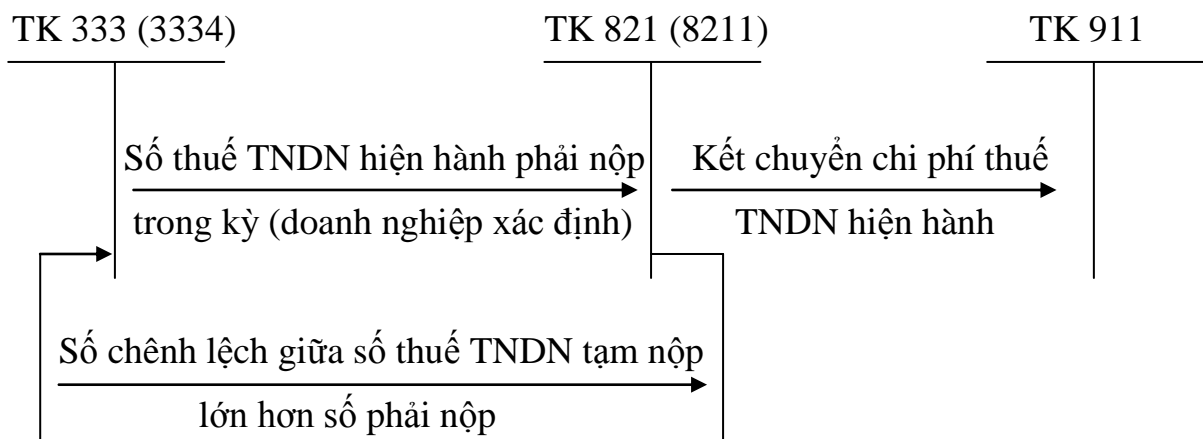


Sơ đồ 11 : Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế của TK 811

1.2.4 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

*TK kế toán sử dụng:

- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. TK 821 bao gồm:
 - + TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
 - + TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.



Sơ đồ 12: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

1.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

*Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện kết quả cuối cùng hay số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, bao gồm hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là kết quả từ các hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu được xác định như sau:

$$\begin{matrix} \text{Lãi (lỗ)} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí quản} \\ \text{hoạt động} & = & \text{thuần từ tiêu} & - & \text{hàng} & - & \text{bán hàng} & - & \text{lý doanh} \\ \text{tiêu thụ} & & \text{thụ thành phẩm} & & \text{bán} & & & & \text{ng nghiệp} \end{matrix}$$

Trong đó:

$$\begin{matrix} \text{Doanh thu thuần từ} & & \text{Doanh thu tiêu} & & \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{tiêu thụ thành phẩm} & = & \text{thụ thành phẩm} & - & \text{doanh thu} \end{matrix}$$

*TK sử dụng: TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của hàng hóa, SP, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ - Chi phí bán hàng, CP QLDN - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác - Kết chuyển lãi sau thuế 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số hàng hóa, SP, lao dịch vụ đã tiêu thụ - Doanh thu hoạt động tài chính - Thu nhập khác - Kết chuyển lỗ 	
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

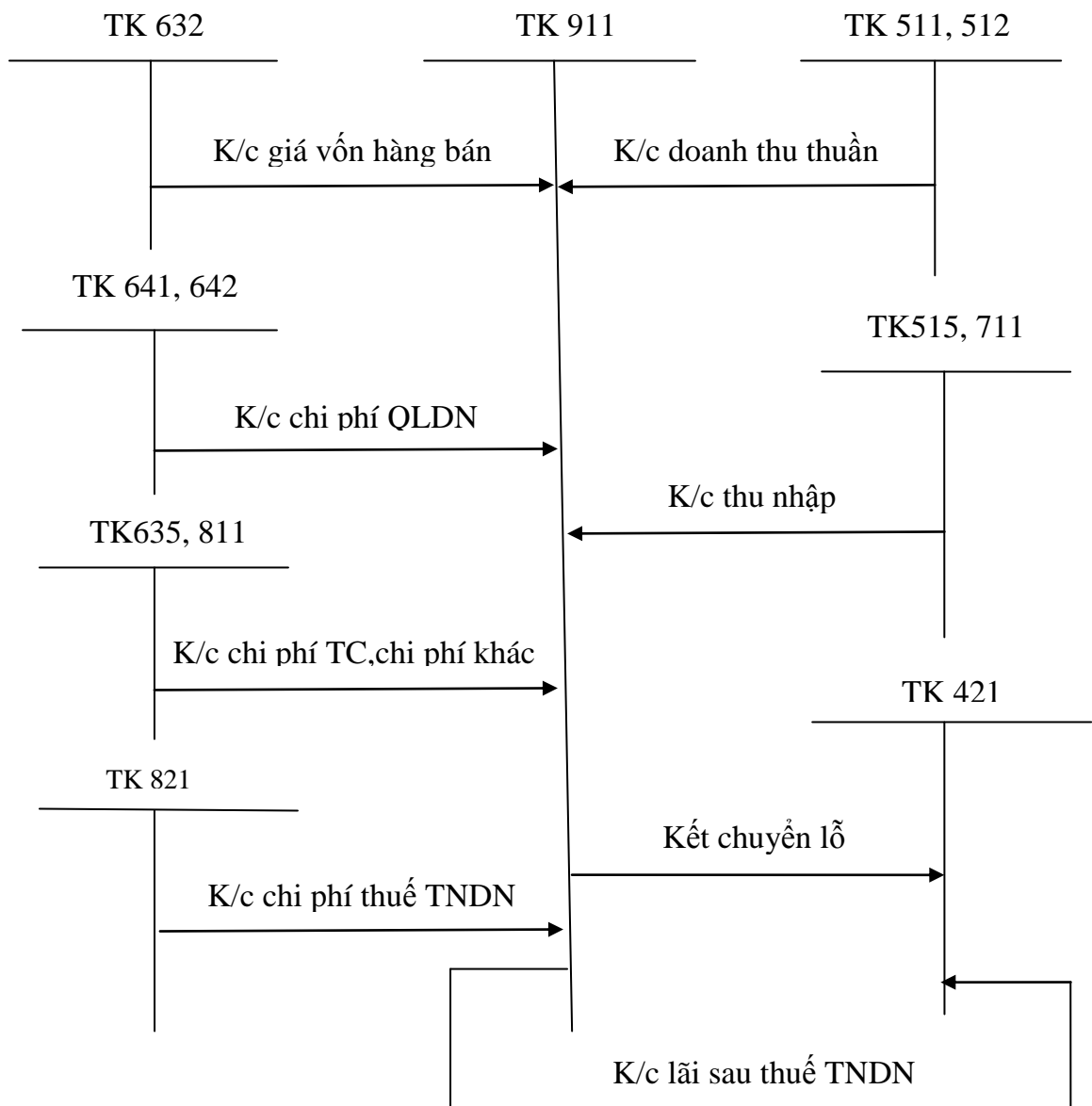
***TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.**

TK này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

TK 421 có 2 TK cấp 2:

- + TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- + TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Ngoài ra, kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 333, TK 414, TK 415, TK 511, TK 512, TK 515, TK635, TK 641,.....



Sơ đồ 13: Kết chuyển chi phí, doanh thu để xác định kết quả kinh doanh

1.3 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.

Việc sử dụng sổ chi tiết và sổ tổng hợp tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu khách quan, nhanh chóng, giúp phân tích các hoạt động kinh tế, từ đó có sự điều chỉnh hợp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ

thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán như sau:

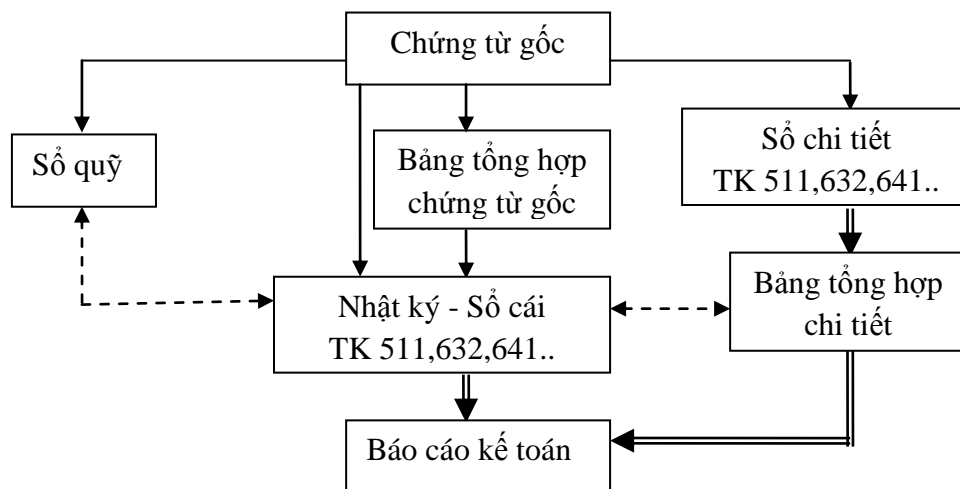
- * **Ghi chú:** \longrightarrow : Ghi hàng ngày (định kỳ).
- \Longrightarrow : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
- $\leftarrow\text{---}\rightarrow$: Đối chiếu, kiểm tra.

1.3.1 Hình thức Nhật ký - sổ cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký - sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký - sổ cái. Căn cứ vào sổ nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ,thẻ kế toán chi tiết



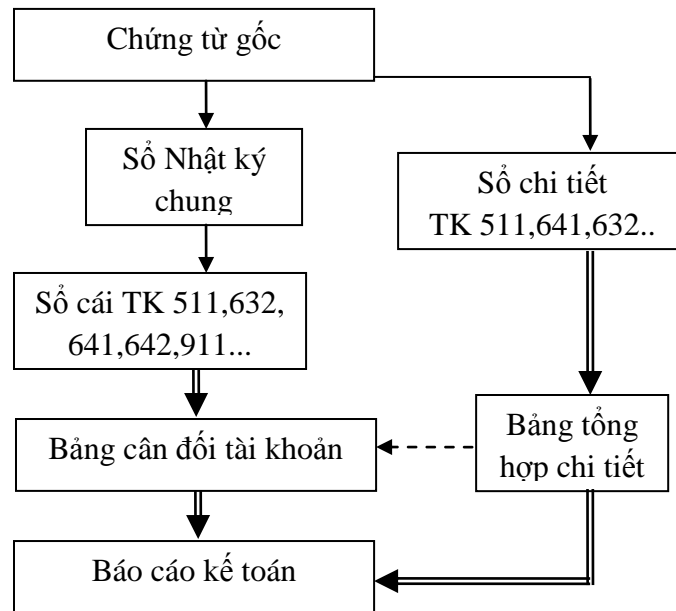
Sơ đồ 14: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

1.3.2 Hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 15: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

1.3.3 Hình thức Nhật ký chứng từ.

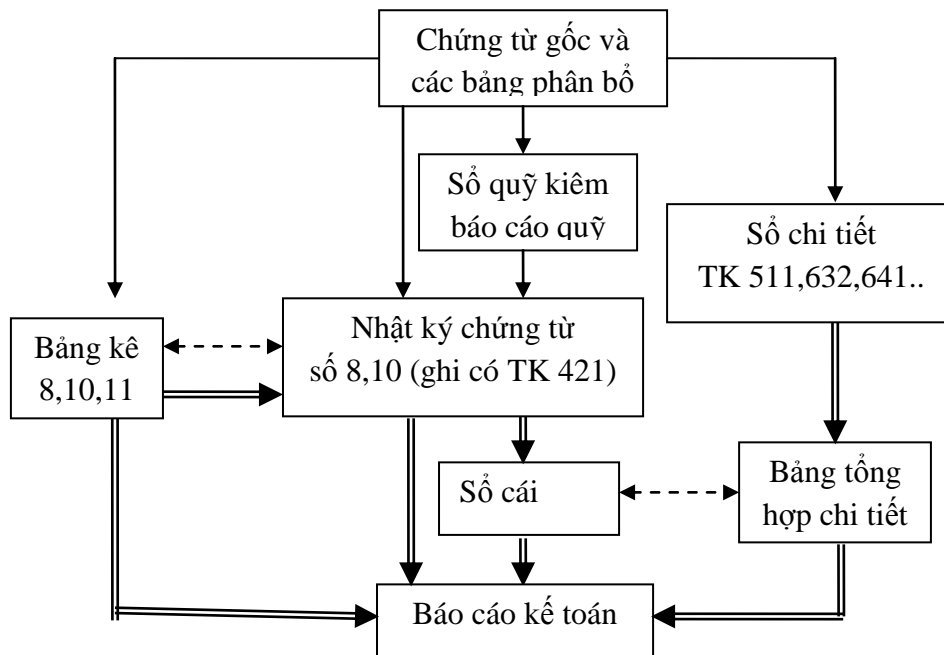
Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính

Hình thức kế toán nhật lý – chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Nhật ký chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 16: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

1.3.4 Hình thức Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

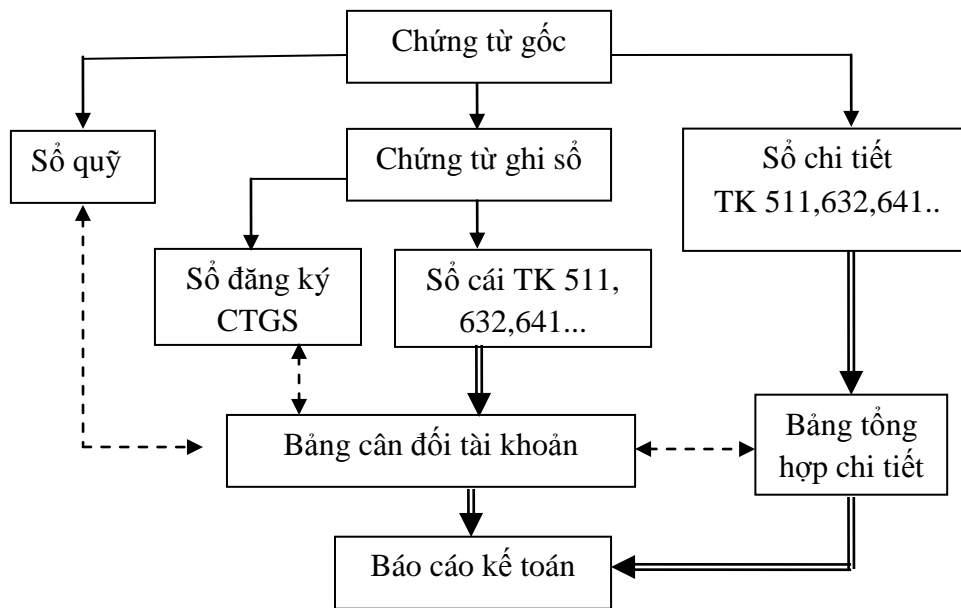
- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số theo từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

*Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

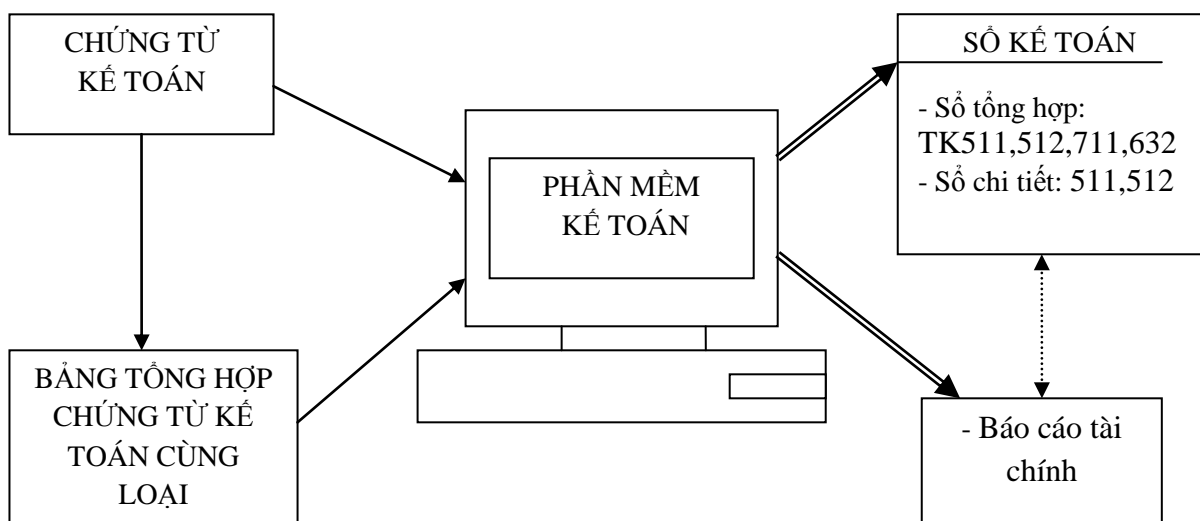
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Các sổ,thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 17: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 18: Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính

Chương 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG****2.1. Một số nét khái quát về Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Nhà máy sản xuất nhựa và cơ khí là một thành viên trực thuộc Công ty Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng (TRADIMEXCO Hải Phòng). Nhà máy được thành lập chính thức theo QĐ số 3214/QĐ – UB ngày 19/11/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cho phép Công ty thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng thành lập nhà máy sản xuất phụ tùng xe máy tại Hải Phòng.

Do những năm tháng phát triển và mở rộng nhà máy với số lượng phân xưởng và công nhân ngày càng lớn, xét đề nghị của Công ty thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng và Sở thương mại UBND thành phố Hải Phòng ra QĐ số 776 – QĐ/UB cho phép đổi tên “ Nhà máy sản xuất phụ tùng xe máy” thành “Nhà máy sản xuất nhựa và cơ khí”. Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005; căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ – CP ngày 16/11/2004 của chính phủ về chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần và các văn bản hướng dẫn thi hành; Căn cứ QĐ số 4323/UBND – DN ngày 26/07/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc “Cho phép nhà máy sản xuất Nhựa và cơ khí” thuộc Công ty thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần. Từ 01/01/2008 Nhà máy sản xuất Nhựa và cơ khí chính thức chuyển tên thành Công ty ỏ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng.

Tên tiếng việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG**

Tên giao dịch tiếng Anh:

HAI PHONG MECHANICS AND PLASTIC JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: **MPCO**

Trụ sở giao dịch: Km 104 + 200, Quốc lộ 5, Phường Đông Hải, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

* Nhiệm vụ chính của nhà máy là:

- Sản xuất và kinh doanh: linh kiện động cơ, sản xuất đồ nhựa và phụ tùng xe hai bánh gắn máy.

- Lắp ráp hoàn chỉnh, sửa chữa và bảo hành xe hai bánh gắn máy.

- Nhập khẩu: máy móc, nhiên liệu, vật tư, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất.

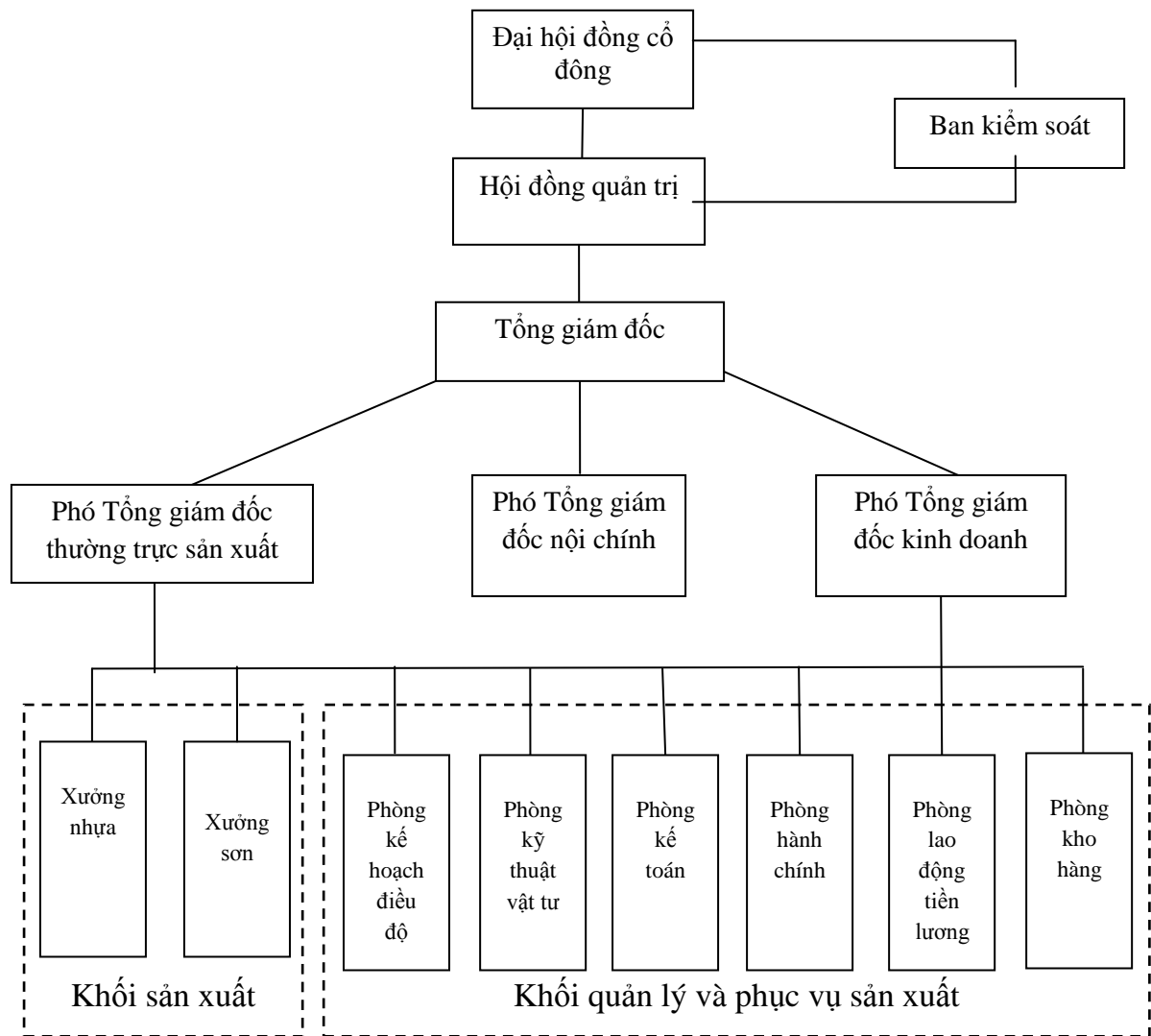
- Xuất khẩu: các sản phẩm do Nhà máy sản xuất.

- Kinh doanh và xuất nhập khẩu các mặt hàng khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty và theo sự uỷ quyền của Giám đốc Công ty.

Nhà máy sản xuất nhựa và cơ khí là đơn vị thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân được mở các tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định của nhà nước.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Bộ máy quản lý được tổ chức theo hình thức trực tuyến chức năng bao gồm hội đồng quản trị, ban giám đốc, các phòng ban và các phân xưởng.



Sơ đồ 19: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Ghi chú:

————— Biểu thị thông tin chỉ đạo toàn diện.

----- Biểu thị thông tin chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ: Lao động, kỹ thuật, kế toán, thống kê, quản lý điều hành. Các đơn vị được đánh dấu phân cấp thể hiện tính trực thuộc bộ phận trên đó.

*** Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:**

- Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Nhựa và cơ khí Hải Phòng. Đại hội đồng cổ đông quyết định các phương án, chiến lược sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty, thông qua Điều lệ Công ty. Đại hội cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị để thường trực quản lý Công ty, bầu Ban kiểm soát nội bộ Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết

định các vấn đề liên quan đến Công ty tại các cuộc họp đại hội đồng cổ đông gồm đại hội đồng cổ đông thường niên và đại hội đồng cổ đông bất thường.

- *Hội đồng quản trị*: là cơ quan quản lý cao nhất để quản trị Công ty. Hội đồng quản trị Công ty có quyền nhân danh Công ty để giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc bổ nhiệm, bãi miễn Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.

- *Ban kiểm soát*: là tổ chức thay mặt Công ty để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành Công ty, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo quyết toán năm tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục những sai phạm nếu có.

- *Tổng giám đốc Công ty*: là người có quyền lực cao nhất trong Công ty, chịu mọi trách nhiệm với Công ty cấp trên, với Nhà nước cũng như cán bộ công nhân viên trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Giám đốc phụ trách chung toàn bộ Công ty, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Đề nghị Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nâng bậc lương, ký kết hoặc sửa đổi hợp đồng lao động đối với cán bộ công nhân viên lao động trong phạm vi Công ty.

- *Phó tổng giám đốc*: giúp việc cho giám đốc trực tiếp chỉ đạo các mặt nghiệp vụ, các bộ phận hoạt động theo chức năng của mình. Nhà máy có 3 PGĐ: PGĐ kinh doanh, PGĐ thường trực sản xuất và PGĐ nội chính:

+ *Phó tổng giám đốc kinh doanh*: Chịu trách nhiệm nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhanh chóng, kịp thời những nhu cầu cần thiết của thị trường, của khách hàng, của người tiêu dùng, những nguồn hàng phục vụ cho việc sản xuất của Công ty. Từ đó xây dựng lên những phương án kinh doanh chính xác, kịp thời đảm bảo hiệu quả kinh tế.

+ *Phó tổng giám đốc thường trực sản xuất*: Cung cấp những thông tin giúp giám đốc theo dõi và chỉ đạo công việc sản xuất tại các xưởng sản xuất. Trực tiếp điều hành các việc sản xuất tại các xưởng. Đề xuất các ý kiến giúp nhà máy nâng cao năng lực sản xuất, năng suất lao động.

+ *Phó tổng giám đốc nội chính:* Giúp giám đốc điều hành khu vực nội chính của Công ty. Đề xuất các ý kiến giúp giám đốc Công ty kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý - sản xuất. Cùng khối công đoàn Công ty đưa ra các biện pháp nhằm quan tâm phát triển đời sống cho cán bộ công nhân viên – lao động Công ty.

**Khối phòng ban điều hành của Công ty:*

Dưới ban Giám đốc là các phòng ban và các phân xưởng sản xuất. Hiện nay Công ty có 6 phòng ban khác nhau và 2 phân xưởng sản xuất.

- *Phòng kế hoạch điều độ:* Có nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, quan hệ giao dịch và khai thác nguồn hàng phục vụ cho các phương án sản xuất kinh doanh của Công ty. Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty. Xây dựng, hoàn thiện lập định mức sản xuất kịp thời và chính xác. Ký và thực hiện hợp đồng với khách hàng, phụ trách giới thiệu và bán sản phẩm cho Công ty.

- *Phòng kỹ thuật vật tư:* Có nhiệm vụ phối hợp với Phòng kế hoạch điều độ trong việc tìm nguồn hàng, tổ chức trao đổi và mua bán vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất. Ghi chép, tính toán phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư vào sản xuất, báo cáo giám đốc để đưa ra kế hoạch vật tư cũng như trang thiết bị phục vụ sản xuất.

- *Phòng kế toán tài vụ:* Có nhiệm vụ giúp Ban giám đốc lập kế hoạch kinh doanh cho năm tới và theo dõi các mặt hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ sách kế toán một cách trung thực và đầy đủ nhất về luân chuyển và sử dụng tài sản, tiền vốn, vật tư, quá trình sản xuất, lập báo cáo tài chính về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của nhà máy. Đồng thời có có nhiệm vụ kiểm soát, quản lý các thủ tục thanh toán.

- *Phòng hành chính:* Có nhiệm vụ thực hiện các nghĩa vụ hành chính hỗ trợ cho toàn bộ các đơn vị sản xuất và quản lý trong nhà máy. Quản lý và sử dụng con dấu, tổ chức tiếp nhận, lưu chuyển công văn tài liệu, lưu trữ, telex, fax, quản lý sử dụng hiệu quả các phương tiện như xe, điện thoại...

- *Phòng nhân sự:* Có nhiệm vụ chính là giúp ban giám đốc tổ chức thực hiện việc quản lý và bố trí nhân sự sao cho hợp lý và có hiệu quả nhất, tổ chức và xây dựng các chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo về mặt đời sống tinh thần cho cán bộ nhân viên, xây dựng đơn giá tiền lương, định mức lao động và các chế độ chính sách khác nhau như bảo hộ lao động, tai nạn lao động.

- *Phòng khách hàng:* Có nhiệm vụ thực hiện quản lý và bảo quản hàng hoá, vật tư, sản phẩm của Công ty tại các kho hàng. Theo dõi các sổ sách và hàng tháng đối chiếu với kế toán vật tư – thành phẩm về số lượng hàng hoá nhập - xuất - tồn trong tháng.

- *Khối sản xuất:* Là các đơn vị trực tiếp sản xuất, kinh doanh được chủ động xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, thông qua giám đốc Công ty và nhận các chỉ tiêu kế hoạch do giám đốc giao, đảm bảo hoàn thành đúng yêu cầu kỹ thuật, định mức, kế hoạch sản xuất, tự chịu trách nhiệm trước giám đốc về kết quả sản xuất của đơn vị mình.

+ *Xưởng nhựa:* Có nhiệm vụ sản xuất bộ nhựa xe máy và ép gia công các sản phẩm nhựa khác tùy theo đơn đặt hàng của các khách hàng.

+ *Xưởng sơn:* Có nhiệm vụ phun sơn bộ nhựa xe máy và xử lý các sản phẩm chưa đạt sau khi sơn.

Tại mỗi xưởng đều có một quản đốc, một phó quản đốc và các trưởng ca giám sát, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn kịp thời từng khâu của quá trình sản xuất.

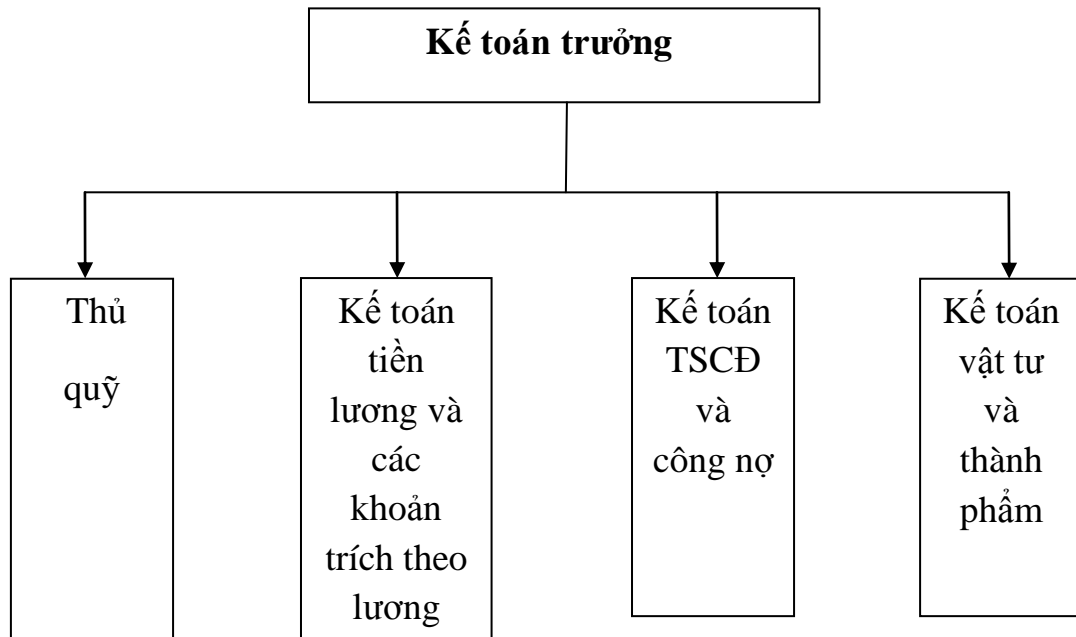
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.1.3.1. Bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý của Công ty, bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung, tổng hợp chứng từ của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh do các phòng kinh doanh chuyên đến, thực hiện việc ghi chép, thu thập tính toán một cách đầy đủ, có hệ thống và liên tục. Tại các phòng ban như phòng hành chính, phòng kế hoạch điều độ, phòng kỹ thuật vật tư các cán bộ nghiệp vụ trực tiếp kinh doanh, sau khi đã hoàn thành các

lô hàng thì thu tập các chứng từ, kiểm tra và xử lý sơ bộ chứng từ, cuối tháng chuyển về phòng kế toán Công ty.

Phòng kế toán làm nhiệm vụ hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn Công ty.



Sơ đồ 20: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

*** Chức năng, nhiệm vụ:**

Nhiệm vụ của phòng Kế toán Tài vụ là hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện thu nhập xử lý các thông tin kế toán ban đầu của các nhân viên thông kê tại các phân xưởng, thực hiện chế độ hạch toán và quản lý tài chính theo quy định của chế độ. Đồng thời, phòng Kế toán tài vụ còn cung cấp thông tin về tình hình tài chính của Công ty một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời; từ đó tham mưu cho Ban giám đốc để đề ra các biện pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Phòng tài chính kế toán của nhà máy bao gồm 5 người: 1 kế toán trưởng, 3 kế toán viên và 1 thủ quỹ.

- Kế toán trưởng:

- + Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.
- + Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.

+ Kế toán trưởng có nhiệm vụ quan trọng trong việc thiết kế phương án tự chủ tài chính đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn của đơn vị như: việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm ra biện pháp tăng nhanh vòng quay vốn, tăng lợi nhuận cho Công ty.

+ Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo Công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu trong các báo cáo kế toán.

- *Kế toán tiền lương, BHXH*: Quản lý lao động về mặt số lượng, dựa vào bảng chấm công của từng phân xưởng, tổ sản xuất để tiến hành tính lương cho cán bộ nhân viên, theo dõi và tính các khoản trích theo lương theo chế độ hiện hành.

- *Kế toán TSCĐ, công nợ và thanh toán*: Theo dõi tình hình tăng, giảm, tồn TSCĐ, công cụ lao động, phân bổ công cụ lao động và trích khấu hao TSCĐ theo quy định của Nhà nước. Lập phiếu thu, phiếu chi, theo dõi số chi tiết tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, theo dõi đối chiếu công nợ phải thu, phải trả của từng khách hàng, theo dõi thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

- *Kế toán vật tư, thành phẩm*: Theo dõi tình hình nhập - xuất vật tư. Căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất và các chứng từ khác về vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm nhập - xuất kho để tiến hành ghi sổ kế toán có liên quan. Hạch toán toàn bộ quá trình nhập - xuất vật tư, thành phẩm, hàng hoá.

- *Thu quỹ*:

+ Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền mặt.

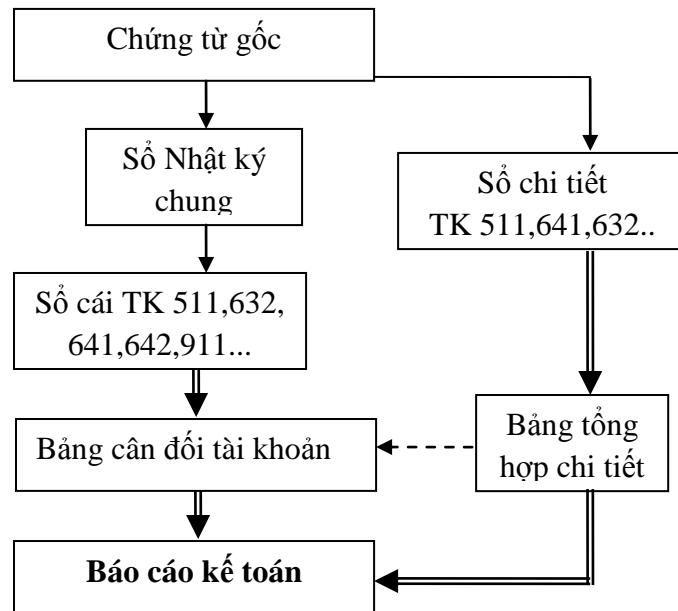
+ Quản lý, bảo quản tiền mặt.

+ Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.

+ Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

2.1.3.2 Hình thức kế toán

Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật Ký Chung tại Công ty Cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 21: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

- * **Ghi chú:** —→ : Ghi hàng ngày (định kỳ)
- ====> : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ)
- ←---> : Đối chiếu, kiểm tra

Theo hình thức Nhật ký chung, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, giấy báo có...) kế toán vào nhật ký chung, sổ chi tiết. Từ nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK, đến cuối tháng kế toán tập hợp từ sổ cái để vào bảng cân đối TK, đồng thời từ bảng cân đối TK và sổ tổng hợp chi tiết để vào báo cáo kế toán.

2.1.3.3 Một số đặc điểm trong công tác kế toán khác

Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính, niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Hình thức ghi sổ của Công ty áp dụng là hình thức Nhật Ký Chung.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên, hàng tồn kho được ghi sổ theo giá gốc. Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo quyết định số 05/2000/QĐ-BTC.

Tính GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp.

Hàng quý kế toán lập báo cáo theo quý, hàng năm lập báo cáo tổng hợp và quyết toán thuế.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.2.1 Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Chứng từ sử dụng**

Các chứng từ được sử dụng để ghi nhận doanh thu tại công ty:

- + Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL)
- + Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02GTGT-3LL)
- + Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- + Giấy báo có
- + Thẻ quầy hàng (Mẫu số 02-BH)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- + Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ.

*** Tài khoản sử dụng**

* Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- + Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa.
- + Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm.

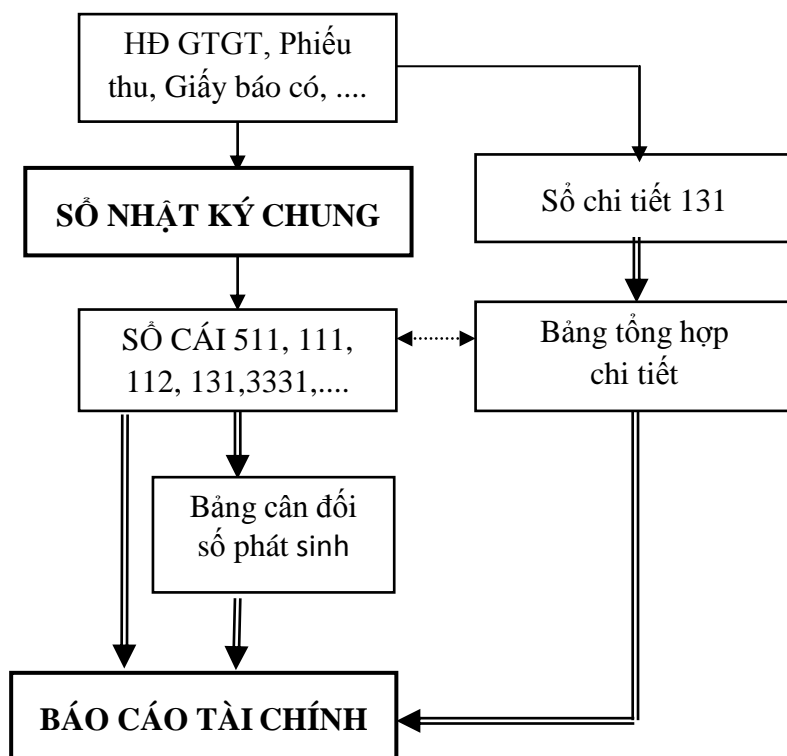
* Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan khác: TK 131, 111, 112, 3331,...

*** Phương pháp hạch toán**

- Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm bên mua đã nhận hàng, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán. Để hạch toán doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra kế toán sẽ căn cứ vào số tiền khách hàng chấp nhận thanh toán ở hóa đơn GTGT. Kế toán sử dụng các sổ sách sau để theo dõi: Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, 3331, 111, 112, 131,...ngoài ra kế toán còn ghi vào sổ chi tiết thanh toán với người mua.

- Sau khi giao hóa đơn GTGT, kế toán sẽ ghi vào bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra, bảng kê hoá đơn chứng từ này có tác dụng để theo dõi thuế GTGT đầu ra của doanh nghiệp.

- Do công ty không áp dụng các chính sách giảm giá hàng bán hay chiết khấu thương mại vì vậy Công ty không hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu và doanh thu thuần trong kỳ được xác định chính là doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.



Sơ đồ 22: Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng

- * **Ghi chú:** —→ : Ghi hàng ngày (định kỳ).
 ==> : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
 <- - -> : Đối chiếu, kiểm tra.

VD: Ngày 31/12/2009, Công ty xuất bán chi tiết máy giặt theo đơn đặt hàng cho Công ty LG Electronics Việt Nam. Tổng tiền thanh toán là 288.811.290, chưa thanh toán. Tổng giá vốn của lô hàng là: 227.787.720

HOÁ ĐƠN				Mẫu số: 01 GTKT – 3LL	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				RA/2009B	
Liên 3: (Lưu nội bộ)				0097755	
Ngày 31 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:		CTY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG KM 104 + 200 QL 5, Đông Hải 1, Hải An, HP MST: 0200773494		
Địa chỉ:	
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS : <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>					
Họ tên người mua hàng:Nguyễn Thị Thuỳ Linh.....					
Tên đơn vị:Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam.....					
Địa chỉ:.....Km 17.5, Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: MS : <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Chi tiết máy giặt				262.555.718
Cộng tiền hàng:					262.555.718
Thuế suất GTGT:10%					Tiền thuế GTGT: 26.255.572
Tổng cộng tiền thanh toán:					288.811.290
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm tám mươi tám triệu tám trăm mười một nghìn hai trăm chín mươi đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý IV năm 2009

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	1	2	
				
PC 28	18/12/09	Mua CCDC đã trả bằng	153	28.980.000	
		tiền mặt	133	2.898.000	
			111	31.878.000	
PT 26	18/12/09	Hoàng Hạ Thu – phòng	111	6.000.000	
		Quản lý hoàn tiền tạm ứng	141	6.000.000	
				
PX 28	31/12/09	Xuất kho bán chi tiết	632	227.787.720	
		máy giặt	156	227.787.720	
HD97755	31/12/09	Bán hàng chưa thu tiền	131	288.811.290	
			511	262.555.718	
			3331	26.255.572	
PC 44	31/12/09	Tạm ứng cho Nguyễn Thị	141	14.000.000	
		Phương Linh phòng Hành	111	14.000.000	
		chính			
				
		Cộng số phát sinh		32.203.688.485	
				32.203.688.485	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG
 Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	I	2
			Số dư đầu kỳ					
			Phát sinh					
							
5/12	97735	5/12	Gia công bộ nhựa xe máy Wave			131		22.098.656
6/12	97736	6/12	Xuất bán chi tiết máy giặt			112		215.682.560
							
28/12	097754	28/12	Xuất bán chi tiết máy giặt			131		150.724.196
31/12	097755	31/12	Xuất bán chi tiết máy giặt			131		262.555.718
		
31/12/2009	PKT 26	31/12/2009	Kết chuyển sang 911			911	5.174.117.517	
		31/12/2009	Tổng số phát sinh				5.174.117.517	5.174.117.517
			Số dư cuối kỳ					

Người Ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU

Quý IV năm 2009

STT	Tên hàng hóa	Số phát sinh trong quý	
		Nợ	Có
1	Gia công bộ nhựa xe máy Wave		22.098.656
2	Chi tiết máy giặt		715.682.560
3	Bộ nhựa mộc xe Wave		650.724.196

	Tổng cộng		5.174.117.517

Người Ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán

- Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá thực tế của sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào số lượng hàng hoá, nguyên vật liệu xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá thực tế xuất trong kỳ.

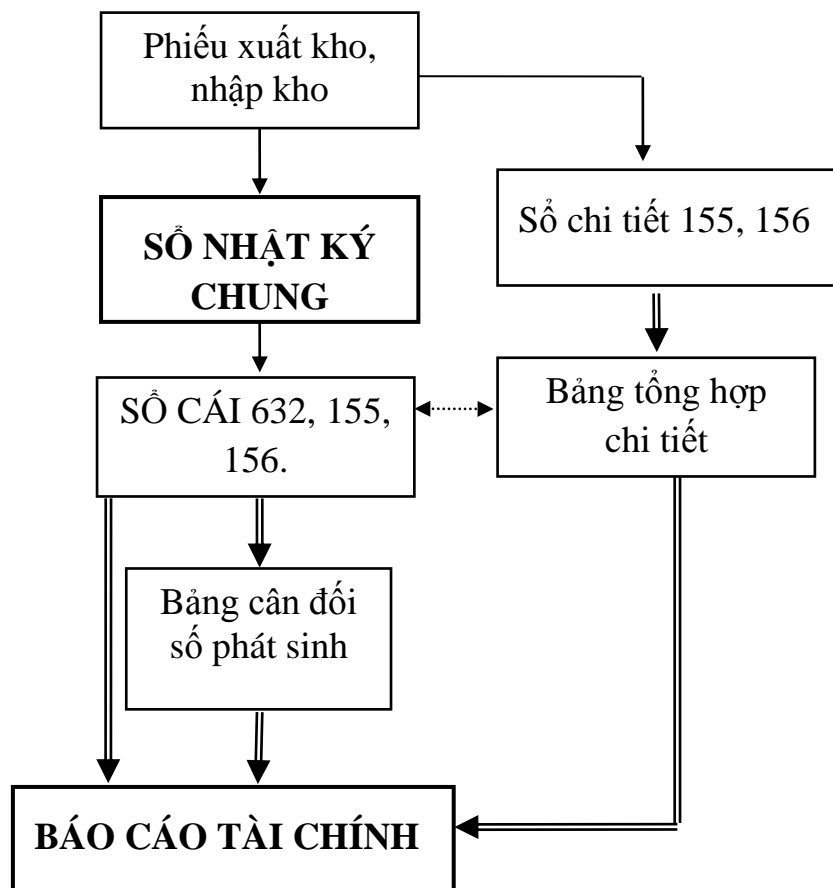
$$\begin{aligned} &\text{Giá bình quân của 1 đơn vị sản phẩm, hàng hoá} = \frac{\text{Giá thực tế của sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của sản phẩm, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hoá nhập trong kỳ}} \\ &\text{Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá} = \text{Giá bình quân của 1 đơn vị sản phẩm, hàng hoá} \times \text{Lượng sản phẩm, hàng hoá xuất kho} \end{aligned}$$

* **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho

* **Tài khoản sử dụng:**

+ Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán.

+ Các tài khoản liên quan khác: 155, 156.



Sơ đồ 23: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán

Ví dụ:

Ngày 28/12/2009, Công ty Honda Việt Nam mua chi tiết bộ nhựa xe máy wave
 + Chấn bụn trước với số lượng 1.500 chiếc
 + Ốp đuôi với số lượng 1.250 chiếc

***Cách tính giá xuất kho chấn bụn trước căn cứ vào sổ chi tiết chấn bụn:**

Tồn đầu kỳ: 3.560 chiếc với trị giá là 241.830.800 đồng
 + Ngày 2/12/2009: nhập kho từ sản xuất 3.430 chiếc với giá thành đvị 66.913 đ
 + Ngày 12/12/2009: nhập kho từ sản xuất 3.462 chiếc; giá thành đvị 67.987 đ
 + Ngày 18/12/2009: nhập kho từ sản xuất 1.168 chiếc; giá thành đvị 6.682 đ

.....

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{241.830.800 + (66.913 \times 3.430 + 67.987 \times 3.462 + \dots)}{3.560 + 3.430 + 3.462 + 1.168 + \dots} = 67.938 \text{đ/chiếc}$$

***Cách tính giá xuất kho ốp đuôi căn cứ vào sổ chi tiết ốp đuôi:**

Tồn đầu kỳ: 500 chiếc trị giá 5.900.000 đồng
 + Ngày 01/12/2009: nhập kho từ sản xuất 600 chiếc; giá thành đvị 11.816 đ
 + Ngày 3/12/2009: nhập kho từ sản xuất 1.200 chiếc; giá thành đvị 11.112 đ
 + Ngày 9/12/2009: nhập kho từ sản xuất 850 chiếc; giá thành đvị 12.052 đ

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{5.900.000 + (600 \times 11.816 + 1.200 \times 11.112 + \dots)}{500 + 1.200 + 850 + \dots} = 11.815 \text{đ/chiếc}$$

***Xác định giá vốn của lô hàng Công ty Honda Việt Nam mua:**

$$\text{Chấn bụn trước} = 1.500 \times 67.938 = 101.907.000$$

$$\text{Ốp đuôi} = 1.250 \times 11.815 = 14.768.750$$

***Trình tự ghi sổ:**

Phiếu Xuất kho

Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Sổ tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán

Nhật ký chung

Sổ cái 156, 632

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Mẫu số 01 – VT

Km 104 + 200, Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Số 22

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Nợ 632

Có 156

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Hà

Địa chỉ: Công ty Honda Việt Nam

Lý do xuất hàng: Xuất kho theo hợp đồng bán hàng

Xuất tại kho: kho số 1

S T T	Tên hàng	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Số tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Chấn bùn trước		Chiếc	1.500	1.500	67.938	101.907.000
02	Ốp đuôi		Chiếc	1.250	1.250	11.815	14.768.750
	Cộng						116.675.750

Số tiền bằng chữ: *Một trăm mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng chẵn.*

Người lập

**Người nhận
hàng**

Thủ kho

**Kế toán
trưởng**

**Thủ trưởng
đơn vị**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Phát sinh	
01/12/09	PT 06	01/12/09	Công ty LG trả tiền hàng	111	286.756.983	
				131		286.756.983
					
12/12/09	BC120745	12/12/09	Công ty LG ứng trước tiền hàng	112	160.000.000	
				131		160.000.000
12/12/09	HĐ02001	12/12/09	Mua ghế gấp Xuân Hòa	641	1.232.000	
				133	123.200	
				111		1.355.200
					
28/12/09	PX 26	28/12/09	Bán chi tiết bộ nhựa xe máy wave	632	116.675.750	
				156		116.675.750
	HĐ097753		Ghi nhận doanh thu	111	151.339.650	
				511		137.581.500
				3331		13.758.150
		
		31/12/09	Tổng cộng		32.203.688.485	32.203.688.485

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG
 Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
 (Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

TK: 6322: Chấn bùn trước
 Tên hàng hóa: Chấn bùn trước
 Quý IV năm 2009

Chứng Từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn			
Số hiệu PX	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
						Nợ	Có
						
PX 08	7/12/09	Xuất kho bán cho cty Honda Việt Nam	156	500	67.938	33.969.000	
PX 26	28/12/09	Bán cho Công ty Honda Việt Nam	156	1.500	67.938	101.907.000	
		
	31/03/2008	Tổng cộng				498.976.725	

Người Ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

TK: 6322: Ôp đuôi
Tên hàng hóa: Ôp đuôi
Quý IV năm 2009

Chứng Từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn			
Số hiệu PX	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
						Nợ	Có
						
PX 16	17/12/09	Xuất kho bán cho cty Honda Việt Nam	156	500	11.815	5.907.500	
PX 26	28/12/09	Bán cho Công ty Honda Việt Nam	156	1.250	11.815	14.768.750	
						
	31/03/2008	Tổng cộng				296.578.920	

Người Ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN

Quý IV năm 2009

STT	Tên hàng hóa	Số phát sinh trong tháng	
		Nợ	Có
1	Chấn bùn trước	498.976.725	
2	Ốp đuôi	296.578.920	
	
	Tổng cộng	4.342.489.863	

Người Ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+ 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN (Ban hàng theo quyết định
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
			Dư đầu Kỳ					
							
6/12/09	PX 13	6/12/09	Xuất bán chi tiết máy giặt			156	142.794.278	
28/12/09	PX 25	28/12/09	Xuất bán chi tiết máy giặt			156	102.676.196	
28/12/09	PX 26	28/12/09	Xuất bán chi tiết bộ nhựa xe wave			156	116.675.750	
31/12/09	PX 28	31/12/09	Xuất bán chi tiết máy giặt			156	227.787.720	
31/12/09	PKT 27	31/12/09	K/c sang TK 911			911		4.342.489.863
31/12/09		31/12/09	Tổng phát sinh				4.342.489.863	4.342.489.863
		31/12/09	Dư cuối kỳ					

Người Ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

2.2.1.3 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là một bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh nhằm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng hoá kinh doanh trong kỳ báo cáo.

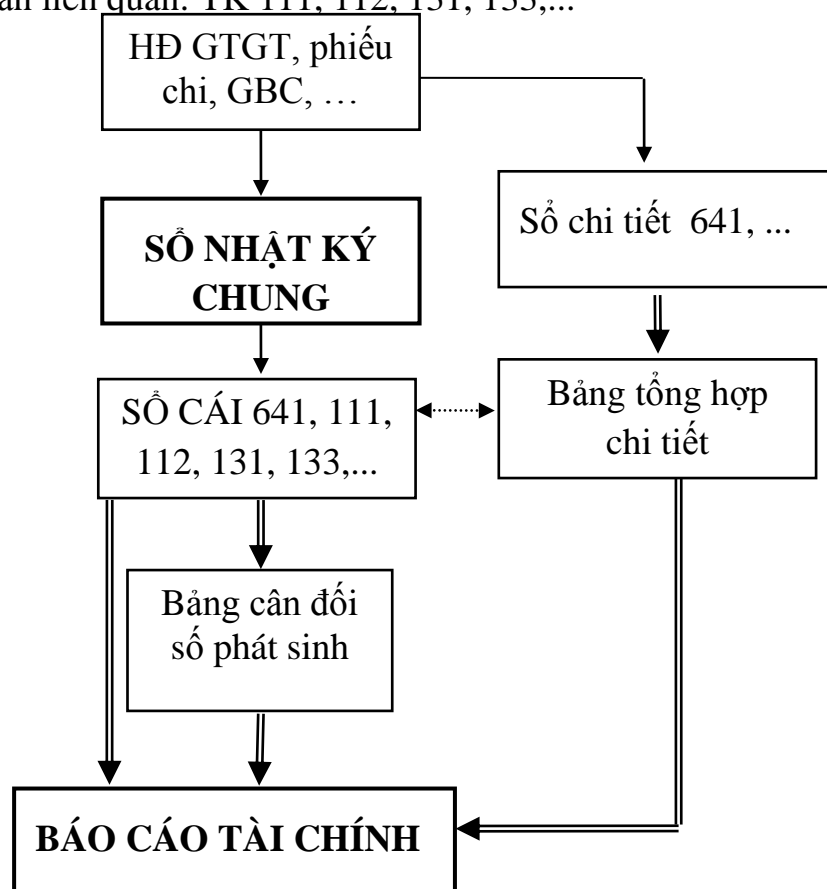
*** Nội dung kinh tế của các khoản chi phí bán hàng tại công ty có:**

- Chi phí vật liệu, bao bì chi dùng thực tế cho nhu cầu sửa chữa tài sản, xử lý hàng hoá dự trữ, bao gói hàng để tăng thêm giá trị thương mại cho hàng hoá
- Chi phí khấu hao TSCĐ của các khâu bán hàng (kho, phương tiện vận tải,...)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: dịch vụ điện, nước, ga, khí, bảo hành, quảng cáo, điện thoại, vận tải, bốc xếp, hoa hồng ...
- Chi phí bằng tiền mặt khác: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.

*** Chứng từ sử dụng:** Hoá đơn, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, giấy tạm ứng, bảng thanh toán lương, bảng phân bổ khấu hao,...

*** TK sử dụng:** TK 641- Chi phí bán hàng và các tài khoản liên quan khác.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...



Sơ đồ 24: Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng

Ví dụ: Ngày 12 tháng 12 năm 2009, công ty đã chi tiền mặt cho việc sửa chữa xe chở hàng biển số 16K – 4686 với số tiền là 460.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+200, Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 02- TT

*Ban hành theo OD số 15/2006/OD-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

PHIẾU CHI

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Số 22
Nợ 641
Có 111

Họ tên người nhận tiền : Phạm Hải Hoa

Địa chỉ : Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng (Bộ phận bán hàng)

Lý do chi : Thanh toán tiền sửa chữa xe 16K – 4686

Số tiền : 460.500 (Viết bằng chữ) **Bốn trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng chẵn**

Kèm theo : chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền :**Bốn trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng chẵn**.....

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng Kế toán trưởng Người lập Người nhận Thủ quỹ
đơn vị

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh	
12/12	PC 22	12/12	Thanh toán tiền sửa xe 16K – 5410	641	460.500	
				111		460.500
13/12	PX12	13/12	Xuất vật tư cho sản xuất	621	158.563.728	
				152		158.563.728
					
31/12	BC 44048	31/12	Nhập lãi TGNH INDOVINA tháng 12	112	4.289.648	
				515		4.289.648
31/12	BPBKH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng	641	18.563.235	
				214		18.563.235
		
		31/12	Tổng cộng		32.203.688.485	32.203.688.485

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+ 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN (Ban hàng theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 641

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
			Dư đầu Kỳ					
							
12/12/09	PC 22	12/12/09	Thanh toán tiền sửa xe chở hàng			111	460.500	
							
18/12/09	PC 36	18/12/09	Thanh toán tiền điện theo HĐ078567			111	462.560	
19/12/09	PC 37	19/12/09	Thanh toán tiền nước theo HĐ078732			111	256.598	
							
31/12/09	BPBKH	31/12/09	Trích KH TSCĐ phục vụ bán hàng			214	18.563.235	
31/12/09	PKT 27	31/12/09	K/c sang TK 911			911		147.249.709
31/12/09		31/12/09	Tổng phát sinh				147.249.709	147.249.709
		31/12/09	Dư cuối kỳ					

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

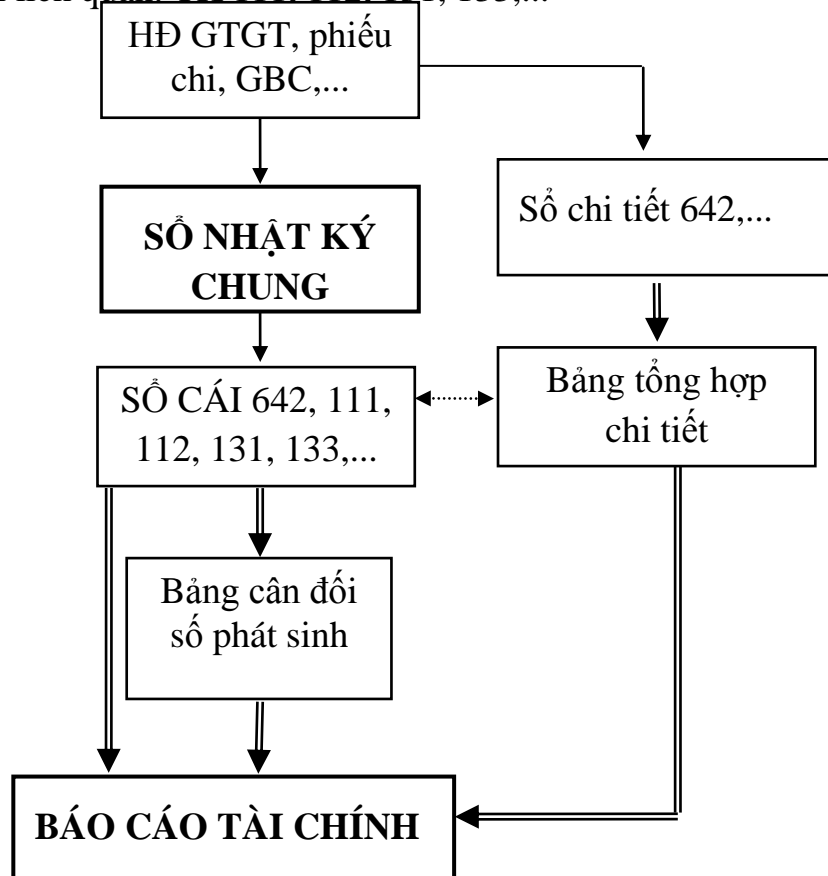
2.2.1.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, như chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

* **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, hoá đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,....

* **Tài khoản sử dụng:** TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...



Sơ đồ 25: Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp

Ví dụ :

Ngày 14/12/2009 công ty mua văn phòng phẩm đơn giá chưa thuế 10% bao gồm các loại văn phòng phẩm sau:

Bút bi 20 hộp đơn giá là 4.500đ

Bút chì 22 hộp đơn giá là 6.000đ

Bút xóa 22 chiếc đơn giá là 12.000đ

Sổ hồng hà 120 quyển đơn giá là 9.500đ

Trình tự ghi số:

Phiếu chi, Hóa đơn VAT.

Nhật ký chung.

Số cái 133, 641, 111

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+200, Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 02- TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Số 24

Nợ 642, 133

Có 111

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 12 năm 2009

Họ tên người nhận tiền : Đỗ Hoài Thúy

Địa chỉ : Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng (Bộ phận QLDN)

Lý do chi : Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền : **1.788.600** (*Viết bằng chữ*) **Một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm đồng chẵn**

Kèm theo : HD GTGT

Ngày 14 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng Kế toán trưởng Người lập Người nhận Thủ quỹ
đơn vị

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 14 tháng 12 năm 2009			Mẫu số: 01 GTKT – 3LL EQ/2009B 0058306		
Đơn vị bán hàng:			CTY TNHH THƯƠNG MẠI HÀ PHƯƠNG Số 121 Hồng Bàng, Hải Phòng MST: 0200773494		
Địa chỉ:		
Số tài khoản:		
Điện thoại:			MS : <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>		
Họ tên người mua hàng:			Đỗ Hoài Thúy.....		
Tên đơn vị:			Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng		
Địa chỉ:.....			Km 104 + 200, Quốc lộ 5, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng		
Số tài khoản:.....				
Hình thức thanh toán:			TM MS : <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bút bi	Chiếc	20	4.500	90.000
2	Bút chì	Chiếc	22	6.000	132.000
3	Bút xóa	Chiếc	22	12.000	264.000
4	Vở Hồng Hà	Quyển	120	9.500	1.140.000
Cộng tiền hàng:					1.626.000
Thuế suất GTGT:10%			Tiền thuế GTGT:		162.600
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.788.600
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm đồng chẵn</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh	
14/12/09	HĐ058306	14/12/09	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642	1.626.000	
				133	162.600	
				111		1.788.600
15/12/09	HĐ078567	15/12/09	Thanh toán tiền điện phục vụ SXKD	627	5.576.963	
				641	465.560	
				642	1.863.420	
				133	590.594	
				111		8.496.537
15/12/09	HĐ 04524	15/12/09	Thanh toán tiền sửa máy tính	642	567.500	
				133	56.750	
				111		624.250
					
31/12/09	BPBKH	31/12/09	Khấu hao TSCĐ phục vụ QLDN	642	16.567.462	
				214		16.567.462
		31/12/09	Tổng cộng		32.203.688.485	32.203.688.485

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+ 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
			Dư đầu Kỳ					
							
14/12/09	PC 24	14/12/09	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm			111	1.626.000	
15/12/09	HĐ 078567	15/12/09	Thanh toán tiền điện tháng 11			111	1.863.420	
15/12/09	HĐ 04524	15/12/09	Thanh toán tiền sửa máy vi tính			111	567.500	
16/12/09	PC 32	16/12/09	Chi tiếp khách			111	1.652.000	
							
31/12/09	BPBKH	31/12/09	Trích khấu hao TSCĐ phục vụ QLDN			214	16.567.462	
31/12/09	PKT 27	31/12/09	K/c sang TK 911			911		193.404.416
31/12/09		31/12/09	Tổng phát sinh				193.404.416	193.404.416
		31/12/09	Dư cuối kỳ					

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

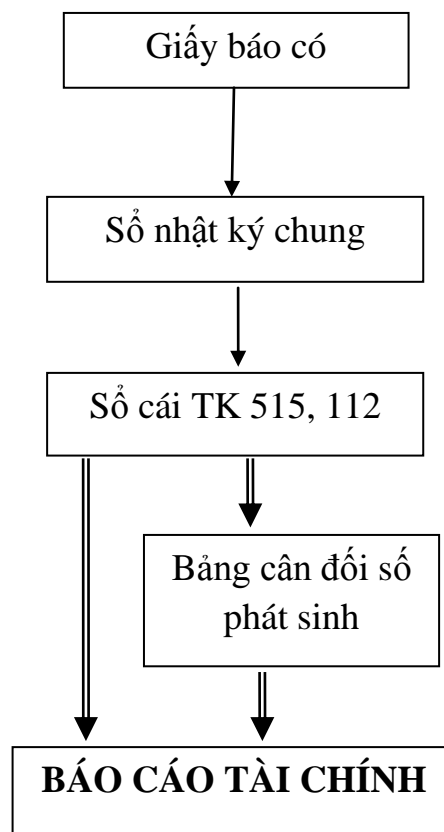
2.2.2 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.2.2.1 Kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng thường chỉ bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

- **Chứng từ sử dụng:** Giấy báo Có của ngân hàng
- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515, 112.



Sơ đồ 26: Quy trình ghi sổ doanh thu tài chính

Ví dụ:

Ngày 31/12/2008 nhập lãi tiền gửi ngân hàng INDOVINA tháng 12 là 4.289.648 VNĐ theo giấy báo Có số 44048

NGÂN HÀNG INDOVINA
INDOVINA BANK

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 105236

GIẤY BÁO CÓ

Số: 44048

Ngày 31/12/2009

Kính gửi: Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 01760052981

Số tiền bằng số: 4.289.648 VNĐ

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu hai trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng chẵn

Nội dung: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng INDOVINA

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh	
02/12/09	HĐ097730	02/12/09	Nhượng bán máy tính	1111 7111 3331	3.850.000	3.500.000 350.000
03/12/09	UNC 04	03/12/09	Trả tiền cho công ty TNHH thương mại Bảo Lan tiền mua CCDC	153 133	19.568.463 1.956.846	
			112		21.525.309
23/12/09	PC 36	23/12/09	Thanh toán tiền sửa xe 16K – 5410	642	552.000	
				111		552.000
					
31/12/09	BC 44048	31/12/09	Nhập lãi TGNH INDOVINA tháng 12	112	4.289.648	
				515		4.289.648
		
		31/12/09	Tổng cộng		32.203.688.485	32.203.688.485

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+ 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN (Ban hàng theo quyết định
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
			Dư đầu Kỳ					
							
31/12/09	BC44048	31/12/09	Nhập lãi TGNH tháng 12			112		4.289.648
31/12/09	PKT 26	31/12/09	K/c doanh thu hoạt động tài chính			911	45.695.952	
		
31/12/09		31/12/09	Tổng phát sinh				45.695.952	45.695.952
		31/12/09	Dư cuối kỳ					

Người Ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí như lãi vay, chi phí đầu tư chứng khoán, chiết khấu thanh toán...

***Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản để hạch toán doanh thu tài chính của công ty là TK 635

Tài khoản cấp 2

TK 6351 Chi phí lãi vay

TK 6352 Chi phí đầu tư chứng khoán

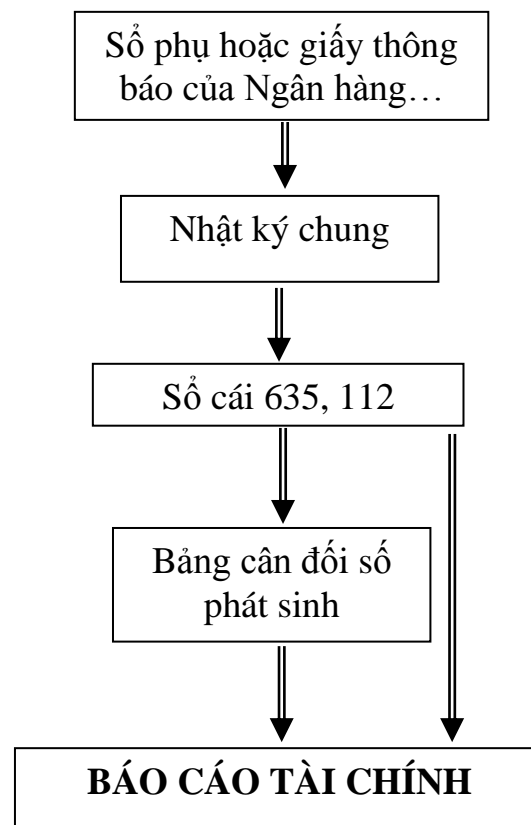
TK 6353 Chi phí hoạt động liên doanh, góp vốn cổ phần

TK 6354 Lỗ bán ngoại tệ CL tỷ giá

TK 6355 Chiết khấu thanh toán

TK 6357 Chi phí dự phòng đầu tư chứng khoán

Tk 6358 Chi phí tài chính khác



Sơ đồ 28: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính

Ví dụ : Ngày 31/12/2009 thanh toán tiền lãi vay ngân hàng Công thương bằng tiền mặt là 3.425.564 đồng

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG HP

SỔ PHỤ VNĐ

Số: 189

Ngày: 31/12/2009

Tài khoản: 5642541

CTY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

DIỄN GIẢI

GHI NỢ

GHI CÓ

Số dư đầu ngày

242.0124.124

TRẢ LÃI VAY

Tổng phát sinh ngày

3.425.564 0

Dư cuối ngày

238.586.560

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT VIÊN

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG HP

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 10366

GIẤY BÁO NỢ

Số GD: 05

Ngày: 31/12/2009

Kính gửi: Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi **NỢ** tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi **NỢ** : 5642541

Số tiền bằng số : **3.425.564**

Số tiền bằng chữ : (+) Ba triệu bốn trăm hai lăm nghìn năm trăm sáu mươi bốn VNĐ

Nội dung: **TRẢ LÃI VAY**

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh	
14/12/09	HĐ058306	14/12/09	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	641	1.626.000	
				133	162.600	
				111		1.788.600
15/12/09	HĐ078567	15/12/09	Thanh toán tiền điện phục vụ SXKD	627	3.576.963	
				641	465.560	
				642	1.863.420	
				133	590.594	
				111		6.496.537
15/12/09	HĐ 04524	15/12/09	Thanh toán tiền sửa máy tính	642	567.500	
				133	56.750	
				111		624.250
					
31/12/09	BN 05	31/12/09	Thanh toán tiền lãi vay	635	3.425.564	
				111		3.425.564
		31/12/09	Tổng cộng		32.203.688.485	32.203.688.485

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+ 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo quyết định
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu TK: 635

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	I	2
			Dư đầu Kỳ					
			Phát sinh					
							
31/12/09	BN 05	31/12/09	Thanh toán lãi vay ngân hàng			111	3.425.564	
31/12/09	PKT 27	31/12/09	K/c sang TK 911			911		52.352.569
31/12/09		31/12/09	Tổng phát sinh				52.352.569	52.352.569
		31/12/09	Dư cuối kỳ					

Người Ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

2.2.3 Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.2.3.1 Kế toán thu nhập khác

Bao gồm các khoản chi phí do thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu được nợ khó đòi trước đây đã xóa sổ

*** Tài khoản sử dụng**

Tài khoản để hạch toán thu nhập khác là TK 711

TK cấp 2:

TK 7111: Thu nhượng bán thanh lý TSCĐ

TK 7112: Thu tiền phạt khách hàng

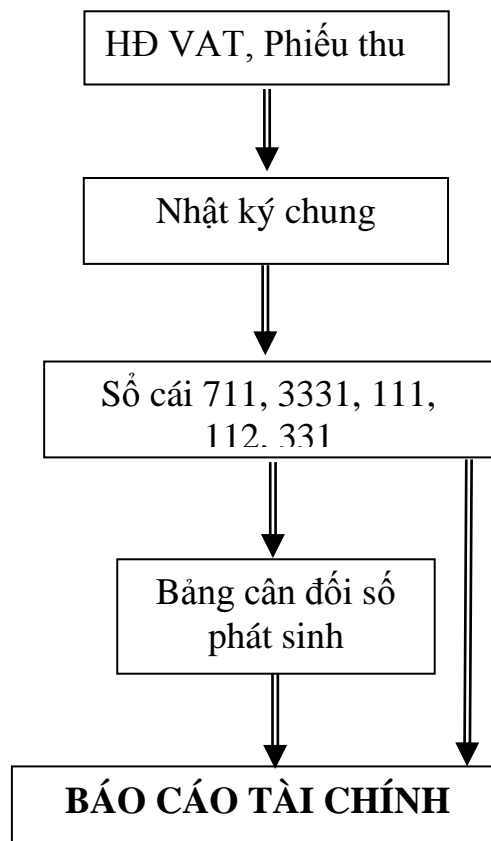
TK 7113: Thu tiền bảo hiểm được bồi thường

TK 7114: Thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ

TK 7115: Thu các khoản thuế được giảm được hoàn lại

TK 7118: Thu nhập khác

*** Phương thức hạch toán**



Sơ đồ 27: Quy trình ghi sổ thu nhập khác

Ví dụ :

Ngày 02/12/2009 Công ty nhượng bán Bộ máy tính nguyên giá là 15.560.000, hao mòn lũy kế là 9.670.000 cho anh Trần Xuân Hòa. giá bán chưa có VAT 10% là 3.500.000 đ. Anh Hòa thanh toán bằng tiền mặt.

HOÁ ĐƠN				Mẫu số: 01 GTKT – 3LL	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				RA/2009B	
Liên 3: (Lưu nội bộ)				0097730	
Ngày 31 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:		CTY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG KM 104 + 200 QL 5, Đông Hải I, Hải An, HP MST: 0200773494		
Địa chỉ:	
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS : <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>					
Họ tên người mua hàng:Trần Xuân Hòa.....					
Tên đơn vị:Phòng bảo vệ.....					
Địa chỉ:.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: MS : <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Nhượng bán bộ máy vi tính	Bộ	1		3.500.000
Cộng tiền hàng:					3.500.000
Thuế suất GTGT:10%				Tiền thuế GTGT: 350.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.850.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Mẫu số 01- TT

Km 104+200, Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày 02 tháng 12 năm 2009

Số: 02

Nợ: 111

Có: 711,3331

Họ tên người nộp tiền : Trần Xuân Hòa
Địa chỉ : Phòng bảo vệ
Lý do nộp : Nhượng bán máy tính, đã thu bằng tiền mặt
Số tiền : **3.850.000** (Viết bằng chữ): **Ba triệu tám trăm năm mươi
đồng chẵn**
Kèm theo : HĐ GTGT

Ngày 02 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Người nhận Thủ quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh			
					
02/12/09	HĐ097730	02/12/09	Nhượng bán máy tính	111	3.850.000	
				711		3.500.000
				3331		350.000
03/12/09	PT 05	03/12/09	Xuất bán vật tư cũ	111	580.200	
				711		582.200
					
31/12/09	PKT 28	31/12/09	K/c thu nhập khác sang TK 911	711	33.340.747	
				911		33.340.747
		
		31/12/09	Tổng cộng		32.203.688.485	32.203.688.485

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+ 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo quyết định
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu TK: 711

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	I	2
			Dư đầu Kỳ					
02/12/09	HD097730	02/12/09	Nhượng bán máy tính			111		3.500.000
03/12/09	PT 05	03/12/09	Xuất bán vật tư cũ			111		580.200
							
31/12/09	PKT 28	31/12/09	K/c sang TK 911			911	33.340.747	
31/12/09		31/12/09	Tổng phát sinh				33.340.747	33.340.747
		31/12/09	Dư cuối kỳ					

Người Ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

2.2.3.2 Kế toán chi phí khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+ 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu TK: 811

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
			Dư đầu Kỳ					
			Phát sinh					
							
12/12/09		12/12/09	Thanh lý máy phun nhựa 160MT			211	16.979.471	
			Chi phí liên quan đến thanh lý			111	626.500	
31/12/09	PKT 28	31/12/09	K/c sang TK 911			911		35.199.649
31/12/09		31/12/09	Tổng phát sinh				35.199.649	35.199.649
		31/12/09	Dư cuối kỳ					

Người Ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

2.2.4 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

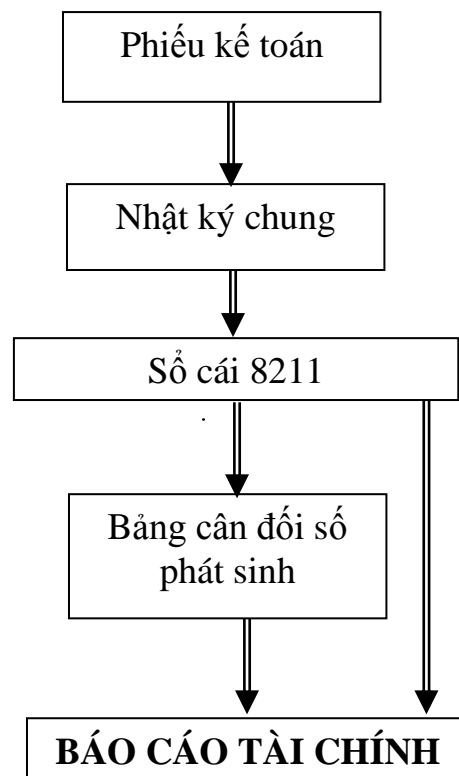
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

***Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản để hạch toán doanh thu tài chính của công ty là TK 821

- **Tài khoản cấp 2**

- + TK 8211 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- + TK 8212 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



Sơ đồ 29: Quy trình hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh			
					
31/12/09	PKT 28	31/12/09	Kết chuyển thu nhập khác	711	33.340.747	
				911		33.340.747
31/12/09	PKT 28	31/12/09	Kết chuyển chi phí khác	811	35.199.649	
				911		35.199.649
31/12/09	PKT 29	31/12/09	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	120.614.503	
				3334		120.614.503
31/12/09	PKT 29	31/12/09	K/c chi phí thuế TNDN hiện hành	911	120.614.503	
				821		120.614.503
31/12/09	PKT 29	31/12/09	Kết chuyển lãi	911	361.843.507	
				421		361.843.507
		31/12/09	Tổng cộng		32.203.688.485	32.203.688.485

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+ 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo quyết định
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN phải nộp

Số hiệu TK: 821

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
			Dư đầu Kỳ					
31/12	PKT 29	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp			3334	120.614.503	
31/12	PKT 29	31/12	K/c chi phí thuế TNDN			911		120.614.503
31/12/09		31/12/09	Tổng phát sinh				120.614.503	120.614.503
		31/12/09	Dư cuối kỳ					

Người Ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

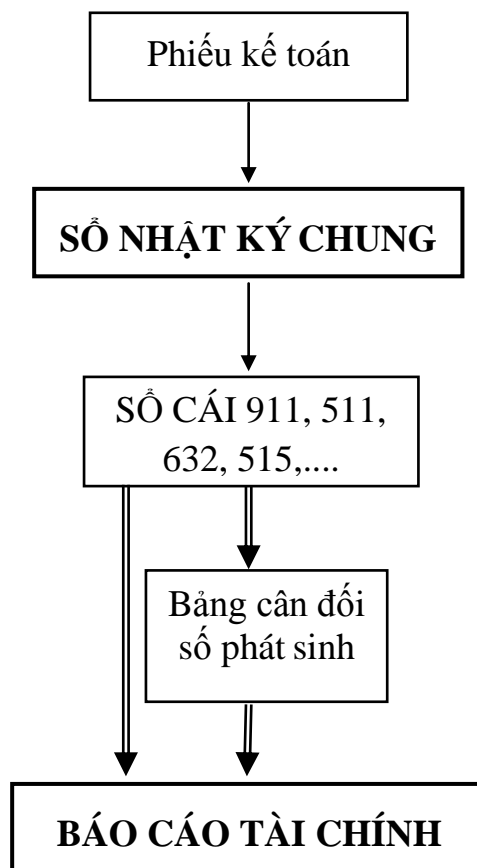
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

*** Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan khác: TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối
.....

*** Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán.



Sơ đồ 30: Quy trình ghi sổ xác định kết quả kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG							
PHIẾU KẾ TOÁN							
Ngày 31 tháng 12 năm 2009							
Số: 26							
STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	K/c Doanh thu thuần sang TK 911	511	911	5.174.117.517			
	K/c DT hoạt động tài chính sang TK 911	515	911	45.695.952			
	Cộng			5.219.813.469			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG							
PHIẾU KẾ TOÁN							
Ngày 31 tháng 12 năm 2009							
Số: 27							
STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	K/c giá vốn hàng bán sang TK 911	911	632	4.342.489.863			
	K/c chi phí bán hàng sang TK 911	911	641	147.249.709			
	K/c chi phí QLDN sang TK 911	911	642	193.404.416			
	K/c chi phí hoạt động tài chính sang TK 911	911	635	52.352.569			
	Cộng			4.735.496.557			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG							
PHIẾU KẾ TOÁN							
Ngày 31 tháng 12 năm 2009							
Số: 28							
STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	K/c thu nhập khác	711	911	33.340.747			
	K/c chi phí khác	911	811	35.199.649			
	Cộng			68.540.396			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG							
PHIẾU KẾ TOÁN							
Ngày 31 tháng 12 năm 2009							
Số: 29							
STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	120.614.503			
	K/c chi phí thuế TNDN hiện hành	911	821	120.614.503			
	Kết chuyển lãi	911	421	361.843.507			
	Cộng			603.072.513			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh			
					
31/12/09	PKT 26	31/12/09	Kết chuyển doanh thu thuần	511	5.174.117.517	
				911		5.174.117.517
31/12/09	PKT 26	31/12/09	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	45.695.952	
				911		45.695.952
31/12/09	PKT 27	31/12/09	Kết chuyển GVHB	911	4.342.489.863	
				632		4.342.489.863
31/12/09	PKT 27	31/12/09	Kết chuyển chi phí QLDN	911	193.404.416	
				642		193.404.416
31/12/09	PKT 27	31/12/09	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	147.249.709	
				641		147.249.709
31/12/09	PKT 27	31/12/09	Kết chuyển chi phí tài chính	911	52.352.569	
				635		52.352.569
31/12/09		31/12/09	Tổng cộng		32.203.688.485	32.203.688.485

Người Ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh			
					
31/12/09	PKT 28	31/12/09	Kết chuyển thu nhập khác	711	33.340.747	
				911		33.340.747
31/12/09	PKT 28	31/12/09	Kết chuyển chi phí khác	811	35.199.649	
				911		35.199.649
31/12/09	PKT 29	31/12/09	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	120.614.503	
				3334		120.614.503
31/12/09	PKT 29	31/12/09	K/c chi phí thuế TNDN hiện hành	911	120.614.503	
				821		120.614.503
31/12/09	PKT 29	31/12/09	Kết chuyển lãi	911	361.843.507	
				421		361.843.507
31/12/09		31/12/09	Tổng cộng		32.203.688.485	32.203.688.485

Người Ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104+ 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo quyết định
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	I	2
			Dư đầu Kỳ					
31/12/09	PKT 26	31/12/09	Kết chuyển doanh thu thuần			511		5.174.117.517
	PKT 26		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		45.695.952
	PKT 27		Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	4.342.489.863	
	PKT 27		Kết chuyển chi phí QLDN			642	193.404.416	
	PKT 27		Kết chuyển chi phí bán hàng			641	147.249.709	
	PKT 27		Kết chuyển chi phí tài chính			635	52.352.569	
	PKT 28		Kết chuyển thu nhập khác			711		33.340.747
	PKT 28		Kết chuyển chi phí khác			811	35.199.649	
	PKT 29		Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành			821	120.614.503	
	PKT 29		Kết chuyển lãi			421	361.843.507	
31/12/09		31/12/09	Tổng phát sinh				5.253.154.216	5.253.154.216
		31/12/09	Dư cuối kỳ					

Người Ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km 104 + 200 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số B03 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	M SỐ	T.M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		15.522.352.559	13.496.189.069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01 – 02)	10		15.522.352.559	13.496.189.069
4. Giá vốn hàng bán	11		13.027.469.594	11.837.258.531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20= 10 – 11)	20		2.494.882.965	1.658.930.538
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		137.087.857	108.363.420
7. Chi phí tài chính	22		157.057.708	83.447.884
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		84.136.575	52.625.799
8. Chi phí bán hàng	24		441.749.126	321.835.480
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		580.213.249	521.018.113
10. Lợi nhuận thu từ hoạt động KD (30= 20 + (21 – 22) – (24 + 25))	30		1.452.950.739	840.992.481
11. Thu nhập khác	31		100.022.242	90.917.045
12. Chi phí khác	32		105.598.946	97.090.182
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		(5.576.704)	(6.173.137)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.447.374.035	834.819.344
15. Chi phí TNDN hiện hành	51		361.843.509	208.704.836
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 – 51 – 52)	60		1.085.530.526	626.114.508
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Chương 3:**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ
CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG****3.1. Nhận xét chung**

Cùng với sự phát triển của đất nước trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu giữ vững thị trường và tăng trưởng nhanh là trách nhiệm và mong muốn của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty. Công ty chính thức chuyển từ Công ty Nhà nước sang công ty cổ phần từ năm 01/01/2008 nhưng Công ty đã không ngừng trưởng thành và phát triển; ngày nay Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp lớn trong ngành nhựa và cơ khí Việt Nam với trang thiết bị hiện đại, trình độ kỹ thuật cao và đội ngũ cán bộ lãnh nghề có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm quản lý.

Hệ thống quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Ngày nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

Qua thực tế cho thấy, công tác kế toán nói chung và kế toán tiêu thụ nói riêng ở Công ty đã đảm bảo được đúng yêu cầu thống nhất phạm vi tính toán chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận có liên quan cũng như nội dung của công tác kế toán, đồng thời đảm bảo cho số liệu kế toán phản ánh một cách chính xác, trung thực, hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý kinh doanh ở Công ty. Trong quá trình hạch toán đã hạn chế ghi trùng lặp nhưng đảm bảo tính thống nhất các nguồn số liệu ban đầu. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty là phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Trong xu thế phát triển của mình, Công ty luôn tạo được niềm tin cho người tiêu dùng, luôn cố gắng mở rộng phạm vi hoạt động sản xuất, vì thế Công

ty luôn đặt mình trong môi trường cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cùng loại và đưa ra mục tiêu tiết kiệm tối đa chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nhưng không làm giảm chất lượng sản phẩm, đem lại lợi ích cho người tiêu dùng.

3.1.1 Ưu điểm

**) Hình thức kế toán áp dụng*

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Với kết cấu đơn giản, dễ ghi chép hình thức này rất phù hợp với công tác kế toán tại Công ty, đảm bảo hệ thống kế toán của Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

**) Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán của công ty được thiết kế gọn nhẹ, hoạt động có nề nếp và đạt hiệu quả cao trong công việc. Các cán bộ kế toán có trình độ nghiệp vụ cao, thường xuyên cập nhật các thay đổi của chế độ kế toán Việt Nam và vận dụng một cách linh hoạt tác phong làm việc khoa học. Tổ chức bộ máy kế toán theo quan hệ trực tuyến chức năng với sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp từ kế toán trưởng giúp cho công tác kế toán được thực hiện nhịp nhàng, không chông chéo, vừa chuyên môn hoá vừa hợp tác hoá giúp cho việc kiểm tra, đối chiếu dễ dàng và thuận lợi hơn.

Nhìn chung bộ máy kế toán của Công ty đã đảm bảo việc phản ánh theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, cho bộ máy lãnh đạo.

**) Hệ thống chứng từ kế toán*

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đúng mẫu theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Chứng

từ được phân loại rõ ràng. Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện tương đối nhanh chóng, kịp thời.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong Công ty đều được phản ánh đầy đủ trong hệ thống chứng từ kế toán. Công ty áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính qui định, ngoài ra Công ty còn sử dụng một số chứng từ hướng dẫn mà ở đó các chứng từ được hoàn chỉnh theo đặc thù của Công ty.

Các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán chi phí sản xuất như: Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ, Hoá đơn, Chứng từ chi tiền mặt.... được thiết lập đầy đủ, qui trình luân chuyển chặt chẽ, thuận tiện cho công tác tính giá thành sản phẩm.

Hiện nay Công ty đang nghiên cứu về đưa vào sử dụng phần mềm kế toán máy để việc xử lý thông tin trên các chứng từ sẽ khá đơn giản, việc tính giá thành có thể được thực hiện nhanh chóng và chính xác. Thông qua đó nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính và giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời.

**) Về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.*

Trải qua một quá trình phát triển công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi mới về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán được áp dụng phù hợp với những quy định mới của bộ tài chính. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã biết gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hạch toán nhanh chóng, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo thống nhất và nhịp nhàng trong công tác hạch toán. Hơn nữa, bộ máy kế toán còn đáp ứng số liệu báo cáo kế toán phục vụ cho nhu cầu của ban lãnh đạo Công ty.

3.1.2 Tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm kế toán công ty vẫn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích làm sáng tỏ để từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp đầy đủ và chính xác hơn nữa những thông tin tài chính. Cụ thể:

**) Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm:*

Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc ít áp dụng các chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm một lượng không nhỏ khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của Công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

**) Về trích lập các khoản dự phòng:*

Khách hàng của Công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà Công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

**) Đối với công tác tính giá thành của sản phẩm.*

Đối với công tác liên quan đến việc tính giá thành còn nhiều tồn tại làm cho giá thành của sản phẩm tăng hơn so với thực tế cụ thể như sau:

Đối với nguyên vật liệu xuất dùng Công ty chưa mở các sổ theo dõi riêng cho từng loại nguyên vật liệu: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ mà chỉ theo dõi chung trên tài khoản 621 như vậy chưa kiểm soát chặt chẽ được tình hình biến động nguyên vật liệu.

Trong khoản mục chi phí sản xuất chung thì chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chiếm tỉ trọng đáng kể, song tại Công ty hiện nay chưa tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, vì thế khi có hỏng hóc xảy ra gây biến động rất lớn đến tổng chi phí kì báo cáo, làm tổng chi phí tăng lên bất thường.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

**) Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán*

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ dành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty. Hiện tại phòng kế toán của Công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của Công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

**) Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi*

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu những hậu quả về kết quả kinh doanh trong kỳ, Công ty nên mở TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi là cần thiết.

Phải thu khó đòi là những khoản nợ mà người nợ có hoặc không có khả năng trả nợ đúng hạn trong năm kế hoạch.

Quán triệt nguyên tắc thận trọng, đòi hỏi doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
3 tháng $\leq t \leq 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu
1 năm $< t \leq 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu
2 năm $< t \leq 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu

Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

**) Về hạch toán TK 521 “chiết khấu thương mại”:*

Để khuyến khích khách hàng mua số lượng lớn và khách hàng truyền thống Công ty đã trả một khoản chiết khấu cho khách. Khoản chiết khấu cho khách được Công ty phản ánh vào TK 641 "Chi phí bán hàng" và TK đối ứng là TK 131, 111, 112. Cách ghi như vậy là không đúng nguyên tắc kế toán bởi đây là một khoản giảm trừ doanh thu không phải là một khoản chi phí. Bởi vậy, để chính xác hơn Công ty phải phản ánh thông qua TK 521 “Chiết khấu thương mại”.

**) Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán*

Công ty nên thường xuyên áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán nợ trước hạn → Thu hồi vốn nhanh, rút ngắn vòng quay vốn lưu động.

**) Về việc xây dựng mạng máy tính nội bộ*

Công ty nên xem xét việc lắp đặt mạng máy tính nội bộ → Tạo thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm cao hơn và phục vụ tốt hơn trong công tác quản lý

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng trở nên quan trọng đối với công tác kế toán của một doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nói chung và doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Với sự hình thành và phát triển của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã trải qua nhiều khó khăn, thử thách cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, Công ty đã không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh. Hàng năm Công ty luôn đóng góp đầy đủ các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước, không nợ đọng thuế, đảm bảo việc làm, mức lương tương đối cho người lao động và luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao...

Trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo Thạc sỹ Ngô Thị Thanh Huyền và các cán bộ nhân viên Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, đặc biệt là các anh chị phòng Kế toán – Hành chính. Dù đã có nhiều cố gắng song vì thời gian có hạn và hạn chế về thực tiễn nên bài viết còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo tận tình của thầy cô để rút ra kinh nghiệm, nâng cao kiến thức.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Trịnh Phương Mai

